

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

- Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Name of organization: Ho Chi Minh City Securities Corporation**

- Mã chứng khoán: HCM
Securities code: HCM
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Address: Level 2, 5, 6, 7, 11 & 12, AB Tower, 76A Le Lai Str., Ben Thanh Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City
- Điện thoại: (+84 8) 3823 3299
Telephone: (+84 8) 3823 3299
- Fax: (+84 8) 3823 3301
Fax: (+84 8) 3823 3301
- Email: cbtt@hsc.com.vn
Email: cbtt@hsc.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố: Điều lệ Công ty và các Quy chế
Contents of disclosure: The Company's Charter and the Regulations**

Ngày 08/08/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC) đã họp và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và thay thế toàn văn các văn bản sau:

On 08 August 2022, the Annual General Meeting's Shareholders for the fiscal year 2021 of Ho Chi Minh City Securities Corporation (HSC) approved to amend and replace entirely the following documents:

1. Điều lệ Công ty
The Company's Charter

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty
The Internal Regulations on Corporate Governance
 3. Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị
The Regulations on Operations of the Board of Directors
 4. Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát
The Regulations on Operations of the Board of Supervisors.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/08/2022 tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/cong-bo-thong-tin>
This information was published on the company's website on 09 August 2022, as in the link <https://www.hsc.com.vn/en/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsible to the law.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Lê Anh Quân

Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác
Chief Partnership Officer

Tài liệu đính kèm

Attached documents

- Điều lệ Công ty;
The Company's Charter;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
The Internal Regulations on Corporate Governance;
- Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;
The Regulations on Operations of the Board of Directors;
- Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
The Regulations on Operations of the Board of Supervisors;

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



ĐIỀU LỆ CÔNG TY

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	6
QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	9
CHƯƠNG II	10
MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG	10
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động	11
Điều 7. Quy định về cấm và hạn chế chung đối với Công ty	12
Điều 8. Quy định về cấm và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty	13
Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm	16
CHƯƠNG III	17
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	17
Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần	17
Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu	17
Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác	18
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần	18
Điều 14. Mua lại cổ phần	18
Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ	20
CHƯƠNG IV	21
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 16. Quyền của Cổ đông	21
Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn	22
Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông	23
Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông	24
Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	25
Điều 21. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông	28
Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	30

Điều 24. Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	31
Điều 25. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	33
Điều 26. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến	33
Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	34
Điều 28. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	36
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	37
CHƯƠNG V	37
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị	37
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	40
Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	43
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	43
Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp	44
Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.....	46
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty.....	46
CHƯƠNG VI	47
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	47
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý	47
Điều 39. Người điều hành Công ty	48
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	48
CHƯƠNG VII.....	49
BAN KIỂM SOÁT.....	49
Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	49
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát	50
Điều 43. Trưởng Ban Kiểm soát	51
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	52
Điều 45. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	54
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	54
CHƯƠNG VIII	55
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	55
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC.....	55

VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	55
Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	55
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	56
CHƯƠNG IX	57
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	57
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	57
CHƯƠNG X	57
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	57
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn	57
CHƯƠNG XI	58
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	58
Điều 51. Phân phối lợi nhuận.....	58
CHƯƠNG XII.....	59
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	59
Điều 52. Tài khoản ngân hàng	59
Điều 53. Năm tài chính	59
Điều 54. Chế độ kế toán.....	59
CHƯƠNG XIII	59
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	59
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	59
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	59
Điều 56. Báo cáo thường niên.....	60
CHƯƠNG XIV	60
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	60
Điều 57. Kiểm toán	60
CHƯƠNG XV.....	60
DẤU CỦA CÔNG TY	60
Điều 58. Dấu của Công ty	60
CHƯƠNG XVI	61
TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY	61
Điều 59. Tổ chức lại Công ty	61
Điều 60. Giải thể Công ty	61
CHƯƠNG XVII.....	62

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	62
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ	62
CHƯƠNG XVIII.....	63
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ.....	63
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	63
Điều 63. Hiệu lực Điều lệ	63

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
 - b. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - c. “Cổ đông lớn” là Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 01 năm 2022;
 - f. “Ngày thành lập” là ngày 29/04/2003 khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/GPHĐKD, sau khi thực hiện đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 23/04/2003;
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể bao gồm các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty và Người nội bộ của Công ty;
 - ii. Công ty và các Cổ đông lớn là tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - iv. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - v. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; và
 - vi. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật

Doanh nghiệp.

- h. “Người có quan hệ gia đình” là những người có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
 - i. “Người điều hành” là thành viên Ban điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng, các Giám đốc điều hành và người điều hành khác quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này (nếu có);
 - j. “Người nội bộ” là những người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
 - k. “Người quản lý” là những người sau đây: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành;
 - l. “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015;
 - m. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
 - n. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - o. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - p. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các Cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ này.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản, điểm) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - b. Tên Tiếng Anh: Ho Chi Minh City Securities Corporation
 - c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - d. Tên viết tắt: HSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - b. Điện thoại: (+84) 28 3823 3299
 - c. Fax: (+84) 28 3823 3301
 - d. Email: info@hsc.com.vn
 - e. Trang thông tin điện tử (website): www.hsc.com.vn
4. Cơ cấu tổ chức, mạng lưới hoạt động:
 - a. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - b. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCK chấp thuận;
 - c. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - d. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.
5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp

chấm dứt hoạt động theo quy định của Pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc, trừ trường hợp phát sinh tình huống được quy định tại Khoản 3 Điều này.
3. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - b. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm a khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;
 - c. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong thời gian Hội đồng Quản trị chưa bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên trở thành Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Trở thành công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ về chứng khoán mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng, góp phần xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty bao gồm:

- a. Môi giới chứng khoán;
- b. Tự doanh chứng khoán;
- c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu trên sau khi được UBCK chấp thuận.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Công ty phải được UBCK chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật Chứng khoán, cụ thể bao gồm:

- a. Tạm ngừng hoạt động, trù trường hợp tạm ngừng do nguyên nhân bất khả kháng;
- b. Chào bán và niêm yết chứng khoán của Công ty tại nước ngoài;
- c. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- d. Thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài; thành lập công ty con tại nước ngoài;
- e. Thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập, đóng cửa phòng giao dịch; thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch;
- f. Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến;
- g. Cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, dịch vụ cho vay chứng khoán, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán;

- h. Lưu ký chứng khoán;
- i. Bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- j. Các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Công ty phải tuân thủ nguyên tắc hoạt động chung về quản trị và điều hành công ty như sau:
 - a. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định Pháp luật liên quan đến quản trị công ty;
 - b. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác có liên quan;
 - c. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các Cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
 - d. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan;
 - e. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của Pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - f. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
2. Công ty phải tuân thủ nguyên tắc sau đây trong hoạt động nghiệp vụ:
 - a. Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, ban hành quy tắc đạo đức hành nghề;
 - b. Không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân;
 - c. Trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng; thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty;
 - d. Ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
 - e. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, Công ty không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - i. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng,

- ii. Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ,
- iii. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác,
- iv. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó,
- v. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng,
- vi. Các hành vi khác trái với quy định của Pháp luật;
- f. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật;
- g. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của Pháp luật;
- h. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
- i. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính;
- j. Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- k. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Quy định về cấm và hạn chế chung đối với Công ty

1. Không trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hành vi gian lận, lừa đảo, làm giả tài liệu, tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán.
2. Không sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác; tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua, bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ.
3. Không sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo; giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác mua, bán để thao túng giá chứng khoán; kết hợp hoặc sử dụng các phương pháp giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch ra công chúng để thao túng giá chứng khoán.
4. Không thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng

- khoán khi chưa được UBCK cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoặc chấp thuận.
5. Không sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc trái quy định của pháp luật hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của khách hàng.
 6. Không cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán, đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng giá chứng khoán.
 7. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.
 8. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 9. Không được thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.
 10. Phải thực hiện hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; không được sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán.
 11. Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của 01 công ty chứng khoán khác tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Mua để thực hiện hợp nhất, sáp nhập;
 - b. Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan (nếu có) sở hữu không quá 05% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.

Điều 8. Quy định về cấm và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty

1. Đối với nghiệp vụ môi giới chứng khoán:
 - a. Không được đưa ra ý kiến về việc tăng hay giảm giá chứng khoán mà không có căn cứ để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm cố định bên ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;
 - d. Không được nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người không phải là người

- đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản;
- e. Không được tiết lộ các nội dung đặt lệnh giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác có được khi thực hiện giao dịch cho khách hàng mà không phải để công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra theo quy định của Pháp luật;
 - f. Không được sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - g. Không được xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích khác của khách hàng.
2. Đối với nghiệp vụ đầu tư và tự doanh chứng khoán:
- a. Phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán để thanh toán các lệnh giao dịch cho tài khoản của chính mình;
 - b. Phải được thực hiện với danh nghĩa chính mình, không được mượn danh nghĩa của người khác hoặc thực hiện với danh nghĩa cá nhân hoặc cho người khác sử dụng tài khoản tự doanh;
 - c. Phải ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước khi thực hiện lệnh của chính mình;
 - d. Phải công bố cho khách hàng biết khi mình là đối tác trong giao dịch thỏa thuận với khách hàng;
 - e. Không được mua, bán trước cùng loại chứng khoán đó cho chính mình hoặc tiết lộ thông tin cho bên thứ ba mua, bán chứng khoán đó nếu trường hợp lệnh mua, bán chứng khoán của khách hàng có thể ảnh hưởng lớn tới giá của loại chứng khoán đó;
 - f. Không được mua hoặc bán cùng chiều cùng loại chứng khoán đó cho mình ở mức giá bằng hoặc tốt hơn mức giá của khách hàng trước khi lệnh của khách hàng được thực hiện trong trường hợp khách hàng đặt lệnh giới hạn;
 - g. Không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - i. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% Vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ii. Cùng với Người có liên quan đầu tư từ 05% trở lên Vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - iii. Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - iv. Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một

tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- v. Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- vi. Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- vii. Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

3. Đối với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành:

Không được bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn hoặc là người bảo lãnh chính trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty độc lập hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành, hoặc có quyền kiểm soát tổ chức phát hành, hoặc có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của tổ chức phát hành;
- b. Tối thiểu 30% Vốn điều lệ của Công ty và tối thiểu 30% vốn điều lệ của tổ chức phát hành do cùng một cá nhân hoặc một tổ chức nắm giữ;
- c. Tổ chức phát hành, độc lập hoặc cùng các công ty con hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 20% trở lên Vốn điều lệ của Công ty, hoặc có quyền kiểm soát Công ty, hoặc có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty;
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của Công ty đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức phát hành;
- e. Thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) và người có liên quan của tổ chức phát hành là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty;
- f. Công ty và tổ chức phát hành có chung người đại diện theo pháp luật.

4. Đối với nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:

- a. Nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán phải có cơ sở hợp lý và phù hợp dựa trên thông tin đáng tin cậy, phân tích logic; khuyến nghị đầu tư chứng khoán được đưa ra phải liên quan và phù hợp với nội dung phân tích chứng khoán và thị trường chứng khoán, phải ghi rõ nguồn trích dẫn số liệu và tên người chịu trách nhiệm;
- b. Phải đảm bảo rằng khách hàng đưa ra quyết định đầu tư trên cơ sở được cung cấp thông tin đầy đủ bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- c. Phải bảo mật các thông tin nhận được từ người sử dụng dịch vụ tư vấn trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc Pháp luật có quy định khác;
- d. Phải tư vấn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của khách hàng và phải chịu trách nhiệm về kết quả phân tích và độ tin cậy của thông tin cung cấp cho khách hàng;
- e. Không được cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho công ty mà mình nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ.

Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Công ty thực hiện phát hành chứng quyền và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật.
2. Các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm bao gồm:
 - a. Phát hành, chào bán và niêm yết chứng quyền;
 - b. Hoạt động tạo lập thị trường cho chứng quyền;
 - c. Hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền;
 - d. Môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền;
 - e. Và các nghiệp vụ khác liên quan đến chứng quyền theo quy định của Pháp luật.
3. Người sở hữu chứng quyền của Công ty là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và có các quyền sau đây:
 - a. Được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định Pháp luật có liên quan;
 - b. Bán lại chứng quyền cho Công ty theo quy định về hoạt động tạo lập thị trường;
 - c. Được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định của Pháp luật;
 - d. Chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự quy định của Pháp luật;
 - e. Được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản quy định của Pháp luật;
 - f. Các quyền khác được quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành chứng quyền và theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.580.523.670.000 VND (bốn nghìn năm trăm tám mươi tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng Việt Nam).
2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 458.052.367 cổ phần phổ thông. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16, 17 và 18 Điều lệ này.
4. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền tham gia vào quá trình đưa ra các quyết định của Công ty dưới hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông để tăng vốn, cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, nếu Cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết cổ phần phổ thông phát hành thêm, Hội đồng Quản trị được quyền quyết định phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng các điều kiện phân phối không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% Vốn điều lệ.

Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có

đầy đủ các nội dung theo quy định của Pháp luật.

3. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, việc chứng nhận cổ phiếu được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản Pháp luật liên quan. Trong trường hợp khác, việc chứng nhận cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày các bên nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần đến Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần trong số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được Công ty cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị tẩy xóa, hỏng hoặc mất, bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có thể yêu cầu Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán mọi chi phí liên quan. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Cổ phần của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 14. Mua lại cổ phần

1. Công ty tự quyết định mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán để giảm Vốn điều lệ theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng Quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
 - b. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại cổ phần phổ thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.
 - c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - i. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định mua lại được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty.
 - ii. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.
2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông hiện hữu theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp Cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty (bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết mà Cổ đông đó biểu quyết không thông qua, Cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị quyết định phương án mua lại. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, giá mua lại cổ phần trong trường hợp này là mức giá thấp nhất của các giá sau đây:
- a. Giá trung bình của giá đóng cửa ba mươi (30) ngày giao dịch liền kề trước ngày Công ty đồng ý mua lại,
 - b. Bảy mươi phần trăm (70%) giá trị sổ sách ghi nhận trong báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty.
3. Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho

người lao động của Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị quyết định phương án mua lại và phải báo cáo tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên gần nhất. Sau khi hoàn thành việc mua lại, Công ty phải thực hiện thủ tục giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu được Công ty mua lại.

4. Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
5. Công ty mua lại cổ phiếu để sửa lỗi giao dịch và mua lại cổ phiếu lô lẻ theo quyết định của Tổng Giám đốc.
6. Công ty không được mua lại cổ phần của chính mình trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán (nếu thời điểm dự kiến mua lại trước ngày 30 tháng 6) hoặc căn cứ vào báo cáo tài chính giữa năm được soát xét (nếu thời điểm dự kiến mua lại sau ngày 30 tháng 6), trừ trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu theo khoản 5 Điều này.
 - b. Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn, trừ trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu theo khoản 5 Điều này.
 - c. Cổ phiếu của Công ty đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu theo các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.
 - d. Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong vòng 06 tháng trước đó (kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại) hoặc đã thực hiện đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn trong vòng 06 tháng trước đó (kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành), trừ trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu theo các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.
 - e. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:
 - i. Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ;
 - ii. Người sở hữu cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật;
 - iii. Cổ đông lớn.

Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông nếu đáp ứng quy định của Pháp luật.

2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty:
 - a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của Pháp luật;
 - b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn hợp lệ khác theo quy định của Pháp luật;
 - c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm Vốn điều lệ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng phải đảm bảo điều kiện Vốn điều lệ tối thiểu sau khi giảm vốn theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của Cổ đông

1. Tham dự và phát biểu trong Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp ủy quyền, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản hoặc phương thức điện tử khác phù hợp với Pháp luật, trong đó phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty.
4. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.
5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, việc xem xét, tra cứu và trích lục thông tin phải tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.
6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.
7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.
9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần phổ thông đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của Pháp luật.
11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc

trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, lý do, mục đích của kiến nghị.

- e. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30 và 41 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình

thức liên lạc khác.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có liên quan sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có nghĩa vụ công bố thông tin khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty và khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17

của Điều lệ này.

- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - h. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;
 - i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật.
2. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

- j. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới được thực hiện trên cơ sở Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng Quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần, mà trường hợp này sẽ do Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p. Công ty mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:
 - i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;
- s. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 21. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Trường hợp một Cổ đông có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể bằng giấy hoặc phương tiện điện tử phù hợp quy định Pháp luật, trong đó nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp,
 - b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của người này và người được ủy quyền dự họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 19 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
 - c. Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp.
 - d. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - e. Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp.
 - f. Gửi thông báo mời họp cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, UBCK (khi Công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;

- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Điều lệ này.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông và nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% số cổ phần phổ thông trở lên.
 - c. Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
6. Trừ trường hợp từ chối kiến nghị theo khoản 5 Điều này, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu có quyền biểu quyết của Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.
4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết

tại cuộc họp.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác.
5. Quy định tại khoản 4 Điều này áp dụng trong trường hợp họp Đại hội đồng Cổ đông trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến và kết hợp của các hình thức trên

Điều 24. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử người làm Thư ký, lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - d. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với

từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết phải được thực hiện ngay tại cuộc họp và tiến hành bằng biểu quyết theo một trong ba phương án: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Ý kiến của Cổ đông ngoài các phương án biểu quyết nêu trên là không hợp lệ. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc phục tùng các biện pháp an ninh khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định khoản 7 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Các nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Tùy thuộc vào tình hình, hoàn cảnh, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định việc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và hội nghị trực tuyến trong cùng một cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Công ty sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc họp hội nghị trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho các Cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến được áp dụng theo Điều 23 của Điều lệ này. Căn cứ tính số lượng Cổ đông tham dự họp là số lượng Cổ đông đã hoàn tất đăng ký tham dự hội nghị trực tuyến. Trong trường hợp kết hợp cả họp trực tiếp và hội nghị trực tuyến trong cùng một cuộc họp thì số lượng tham dự họp được tính tổng số Cổ đông tham dự trực tiếp, và Cổ đông đăng ký tham dự hội nghị trực tuyến.
4. Cuộc họp hội nghị trực tuyến được biểu quyết và bỏ phiếu điện tử. Ban tổ chức được sử dụng công nghệ để thực hiện việc đếm và kiểm phiếu điện tử. Ban tổ chức có thể quyết định việc công khai tiến trình kiểm phiếu hoặc chỉ công khai kết quả

kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu phải được công bố trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, trừ khi vì lý do khách quan, Chủ tọa có quyết định khác.

- Việc thông qua nghị quyết theo hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 25, khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ tình hình thực tế và xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty.
 - Mục đích lấy ý kiến.
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông.
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Cổ đông trả lời vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến bằng cách lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác theo quy định sau đây:
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền hoặc người đại diện theo

pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

- b. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi qua fax hoặc thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác, phiếu lấy ý kiến phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, hình thức liên lạc khác đều không hợp lệ.
6. Phiếu lấy ý kiến được gửi về trong thời hạn yêu cầu nhưng không tuân thủ quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về và phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời điểm kết thúc việc lấy ý kiến được coi là không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu hoặc gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Điều lệ này. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 28. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu liên quan phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết được thông qua với tỷ lệ 100% theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trong thời gian nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bị Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết này của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức lại theo cách thức và thủ tục quy định tại Điều lệ này để xem xét, quyết định lại những nội dung được đề cập trong nghị quyết đã bị hủy bỏ.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng

- Quản trị;
- d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - i. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 90% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng Quản trị.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử, ứng cử theo khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Pháp luật, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội

đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.

Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên không điều hành và số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp có 05 thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định của Pháp luật.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng và quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:
 - i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm q và r khoản 2 Điều 20 Điều lệ này hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành quan trọng của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và hoạt động mua bán, sáp nhập với doanh nghiệp khác mà không phải hoạt động đầu tư tự doanh và kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông;
- o. Kiến nghị mức trả cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty;
- r. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty;
- s. Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- t. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty;

- u. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - v. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
 - w. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;
 - x. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu của Pháp luật;
 - y. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - z. Hội đồng Quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;
 - aa. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý và Kiểm soát viên;
 - bb. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị quy định chi tiết cách thức tổ chức họp, ủy quyền tham dự họp, việc thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng Quản trị và các vấn đề khác. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên về kết quả hoạt động, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị trong năm;
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch

giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- e. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị;
- f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các người điều hành khác;
- g. Kế hoạch hoạt động năm kế tiếp.

Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định phù hợp với quy định của Pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có) đương nhiên thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cùng vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng Quản trị khác thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ. Trường hợp không có Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc không ủy quyền cho thành viên khác hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 7. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.
 9. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 10. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
 12. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản

- 14 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức liên lạc khác;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định trước đó của Hội đồng Quản trị.
13. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
14. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
16. Việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng phải đảm bảo tối thiểu có ba (03) thành viên. Một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên tiểu ban có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban có tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ quy chế hoạt động của tiểu ban do Hội đồng Quản trị ban hành, quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Tiếp nhận, quản lý việc công khai lợi ích và các hợp đồng, giao dịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - h. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - j. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, có thể có các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thì việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định Hội đồng Quản trị.

Điều 39. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Tiền lương của Người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;

- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG VII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử theo khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.
 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là từ ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng cụ thể trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Ban Kiểm soát cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Ban Kiểm soát cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - c. Không phải là Người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị,

- Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
- d. Không phải là Người quản lý và không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - e. Không được đang làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - f. Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 43. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định trách nhiệm Người quản lý doanh nghiệp theo Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định của Pháp luật.
17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
23. Báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên về những nội dung sau đây:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành

viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty;
 - f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.
24. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
25. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
26. Tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
27. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
28. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 45. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tổng mức thù lao, lương, thưởng và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên và được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hằng năm. Thù lao và các khoản lợi

ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán cho Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
3. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
5. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng Quản trị quyết định theo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Việc mua các loại bảo hiểm khác cho thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những

thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với chính đối tượng đó hoặc với Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin. Đối với các giao dịch do Hội đồng Quản trị chấp thuận, việc chấp thuận được thực hiện trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà chính thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và Người có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong trường hợp hợp đồng, giao dịch đó hoặc những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch và mối quan hệ lợi ích đã được công khai và được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 16 Điều lệ này;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Điều lệ này.
2. Công ty chỉ chấp thuận cho xem xét, tra cứu, trích lục tài liệu cho Cổ đông tại trụ sở Công ty và trả lời kết quả trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Cổ đông.
3. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
6. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG X

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội,

phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trên cơ sở mức cổ tức đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thời điểm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của Pháp luật về kế toán và Pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh doanh phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm

toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XV

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 58. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XVI

TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 59. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 60. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Thanh lý tài sản khi giải thể
 - a. Trong vòng (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
 - b. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho UBCK và cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
 - c. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - i. Các chi phí thanh lý;
 - ii. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- iii. Nợ thuế;
- iv. Các khoản nợ khác của Công ty;
- v. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Pháp luật, Điều lệ này hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét, quyết định.
2. Trường hợp Pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định Pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 63. Hiệu lực Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 18 Chương 63 Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 08 tháng 08 năm 2022 và chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế tất cả các bản điều lệ trước đó.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC 



TRỊNH HOÀI GIANG

Ho Chi Minh City Securities Corporation



COMPANY CHARTER

TABLE OF CONTENTS

CHAPTER I	5
GENERAL PROVISIONS	5
Article 1. Interpretation of terms	5
Article 2. Name, form, head office, organizational structure and term of operation of the Company	7
Article 3. Legal Representative.....	8
CHAPTER II	9
OBJECTIVES, SCOPE AND PRINCIPLES OF OPERATION	9
Article 4. Operational objectives of the Company.....	9
Article 5. Scope of business and operation of the Company	9
Article 6. Principles of operation.....	10
Article 7. Provisions on general prohibition and restriction in respect of the Company	11
Article 8. Provisions on prohibition and restriction in respect of professional operations of the Company.....	12
Article 9. Issuance of secured warrants	15
CHAPTER III	16
CHARTER CAPITAL AND SHARES	16
Article 10. Charter Capital and shares	16
Article 11. Share certification.....	17
Article 12. Certificate of other securities.....	17
Article 13. Transfer of shares.....	17
Article 14. Redemption of shares.....	18
Article 15. Change to the Charter Capital.....	20
CHAPTER IV	20
SHAREHOLDERS AND GENERAL ASSEMBLY OF SHAREHOLDERS	20
Article 16. Rights of the Shareholders	20
Article 17. Rights of Major Shareholders	21
Article 18. Obligations of Shareholders.....	23
Article 19. General Assembly of Shareholders.....	24
Article 20. Rights and obligations of the General Assembly of Shareholders.....	26
Article 21. Authorization to attend the meeting of the General Assembly of Shareholders.....	28
Article 22. Convening the meeting, meeting agenda and notice of invitation to the meeting of the General Assembly of Shareholders.....	29
Article 23. Conditions for conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders.....	31
Article 24. Procedures for conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders.....	32
Article 25. Conditions for passing a Resolution of the General Assembly of Shareholders	34

Article 26. Organization of the meeting of the General Assembly of Shareholders in the form of online conference.....	35
Article 27. Organization of the collection of Shareholders' written opinions to approve Resolution of the General Assembly of Shareholders.....	35
Article 28. Resolutions and meeting minutes of the General Assembly of Shareholders	38
Article 29. Request for cancellation of a Resolution of the General Assembly of Shareholders	39
CHAPTER V	39
BOARD OF DIRECTORS.....	39
Article 30. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors	39
Article 31. Composition and term of office of members of the Board of Directors	41
Article 32. Rights and obligations of the Board of Directors	42
Article 33. Remuneration, bonus and other benefits of members of the Board of Directors.....	45
Article 34. Chairman of the Board of Directors.....	46
Article 35. Meetings of the Board of Directors and meeting minutes	47
Article 36. Committees of the Board of Directors	49
Article 37. Person in charge of Corporate governance	49
CHAPTER VI	50
CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES	50
Article 38. Organization of managerial apparatus	50
Article 39. Executives of the Company	51
Article 40. Appointment, dismissal, duties and powers of the Chief Executive Officer	51
CHAPTER VII.....	52
BOARD OF SUPERVISION	52
Article 41. Nomination and candidacy for members of the Board of Supervision (Supervisors)	52
Article 42. Composition of the Board of Supervision	54
Article 43. Head of the Board of Supervision.....	55
Article 44. Rights and obligations of the Board of Supervision	55
Article 45. Meetings of the Board of Supervision	58
Article 46. Salary, remuneration, bonus and other benefits of members of the Board of Supervision....	59
CHAPTER VIII	59
RESPONSIBILITY OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISION, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES	59
Article 47. Responsibility to be honest and avoid conflicts of interest.....	60
Article 48. Responsibility for damage and compensation	61
CHAPTER IX	61
RIGHT TO ACCESS DOCUMENTS AND RECORDS OF THE COMPANY	61
Article 49. Rights to access documents and records of the Company	61

CHAPTER X	62
EMPLOYEES AND TRADE UNION	62
Article 50. Employees and Trade Union.....	62
CHAPTER XI	62
PROFITS DISTRIBUTION	62
Article 51. Profits distribution	62
CHAPTER XII	63
BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING	63
Article 52. Bank accounts	63
Article 53. Fiscal Year	64
Article 54. Accounting system.....	64
CHAPTER XIII	64
FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND RESPONSIBILITY FOR INFORMATION DISCLOSURE	64
Article 55. Annual, semi-annual and quarterly financial statements	64
Article 56. Annual Reports	65
CHAPTER XIV	65
AUDIT	65
Article 57. Audit	65
CHAPTER XV	65
SEAL OF THE COMPANY	65
Article 58. Seal of the Company.....	65
CHAPTER XVI	66
RE-ORGANIZATION AND DISSOLUTION	66
Article 59. Re-organization of the Company	66
Article 60. Dissolution.....	66
CHAPTER XVII	67
INTERNAL DISPUTE SETTLEMENT	67
Article 61. Internal dispute settlement	67
CHAPTER XVIII	67
AMENDMENT, SUPPLEMENT TO AND EFFECTIVENESS OF THE CHARTER	67
Article 62. Amendment, supplement to the Charter	67
Article 63. Effectiveness.....	68

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Interpretation of terms

1. Unless otherwise required by the provisions or the context of this Charter, the below terms shall be construed as follows:
 - a. “Company” means Ho Chi Minh City Securities Corporation;
 - b. “Shareholder” means an individual, organization holding at least one share in the Company;
 - c. “Major Shareholder” means a Shareholder owning five percent (5%) or more of the Company’s voting shares;
 - d. “Law on Securities” means Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019;
 - e. “Law on Enterprises” means Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17 June 2020 and amended, supplemented on 11 January 2022;
 - f. “Establishment Date” means 29 April 2003 being the date of issuance by the State Securities Commission of the Securities Business Operation License No. 11/GPHDKD to the Company, after conducting business registration with Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 23 April 2003;
 - g. “Related Persons” means individuals, organizations that are interrelated pursuant to clause 46 Article 4 of the Law on Securities, specifically including the following circumstances:
 - i. The Company and its Internal Person;
 - ii. The Company and Major Shareholders that are organizations, individuals owning more than 10% of the voting shares in the Company;
 - iii. Organizations, individuals that, in connection with other organizations, individuals, directly or indirectly control or are under control of such organizations, individuals or together with such organizations, individuals are subject to the same control;
 - iv. Individuals and their biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouses, biological children, adopted children, children-in-law, siblings and siblings-in-law;
 - v. Contractual relations in which an organization, individual acts as the

- representative of the other organization, individual; and
- vi. Other organizations, individuals which are considered as related persons pursuant to the Law on Enterprises.
 - h. “Persons with Family Relationship” means persons who have relationship with each other pursuant to clause 22 Article 4 of the Law on Enterprises, including: spouse, biological parents, adoptive parents, parents-in-law, biological children, adopted children, children-in-law, siblings, siblings-in-law, spouse's siblings;
 - i. “Executives” means the members of the Executive Board including the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer (if any), Chief Accountant, Managing Directors and other executives pursuant to clause 1 Article 39 of this Charter (if any);
 - j. “Internal Persons” means persons who hold critical roles in management and executive system of the Company, including: Chairman and members of the Board of Directors, Chief Executive Officer cum legal representative, Deputy Chief Executive Officer (if any), Financial Director, Chief Accountant, Head and members of the Board of Supervision (Supervisor), Chairman and members of the Committees of the Board of Directors, Company secretary, person in charge of the Company's governance, person authorized for Company's information disclosure;
 - k. “Managers” means the following persons: Chairman and members of the Board of Directors, Chairman and members of the Committees of the Board of Directors, Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer (if any), Chief Accountant and Managing Directors;
 - l. “Laws” means all legislative documents as stipulated in the Law on Promulgation of Legislative Documents adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 22 June 2015;
 - m. “Stock Exchange” means Vietnam Stock Exchange and its Subsidiaries, including Ho Chi Minh Stock Exchange;
 - n. “SSC” means State Securities Commission.
 - o. “Vietnam” means the Socialist Republic of Vietnam;
 - p. “Charter Capital” means the total par value of the issued shares fully paid by the shareholders and recorded in this Charter.
- 2. In this Charter, reference to any terms or documents shall include any supplement or replacement of such terms or documents.
 - 3. Headings (chapters, articles, clauses, points) are included herein solely for ease of reference and shall not affect the meaning, contents of this Charter.

4. Words or terms defined in the Law on Enterprises and the Law on Securities shall have the same meaning in this Charter to the extent not contravening the subject or context.

Article 2. Name, form, head office, organizational structure and term of operation of the Company

1. The Company's name:
 - a. Full name in Vietnamese: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - b. English name: Ho Chi Minh City Securities Corporation
 - c. Transaction name: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - d. Abbreviation: HSC
2. The Company is a joint stock company having status of a legal entity in accordance with the applicable Laws of Vietnam.
3. Registered office of the Company:
 - a. Head office address: Level 2, 5, 6, 7, 11 & 12 AB Tower, 76A Le Lai, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
 - b. Telephone: (+84) 28 3823 3299
 - c. Fax: (+84) 28 3823 3301
 - d. Email: info@hsc.com.vn
 - e. Website: www.hsc.com.vn
4. Organizational structure, operational network:
 - a. The Company is structured and operates in accordance with the model stipulated in point a clause 1 Article 137 of the Law on Enterprises, including: the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors, the Board of Supervision and the Chief Executive Officer;
 - b. The Company may establish, close its branches, transaction offices and representative offices to implement the operational objectives of the Company, in accordance with the decisions of the Board of Directors, and subject to the SSC's approval;
 - c. Branches, transaction offices and representative offices are units of the Company and the Company shall take full responsibility for the operation of its branches, transaction offices and representative offices;
 - d. The Company shall only conduct securities business activities, provide

securities services at the locations of its head office, branches and transaction offices as approved by the SSC.

5. Term of operation:

The term of operation of the Company shall be indefinite starting from the Establishment Date, except in the case of termination of operation pursuant to the applicable Laws or this Charter.

Article 3. Legal Representative

1. The Legal Representative of the Company shall exercise the rights and perform the obligations arising from transactions of the Company, and represent the Company in the capacity as the requester for settlement of civil matters, the plaintiff, the defendant, the person with related rights, interests, obligations before the Arbitration, the Court, and have other rights, obligations pursuant to the Laws.
2. The Company has one (01) Legal Representative who is the Chief Executive Officer, except for the situations stipulated in Clause 3 this Article.
3. Authorization by the Legal Representative:
 - a. The Legal Representative of the Company shall reside in Vietnam, and in case of absence from Vietnam, he/she must authorize in writing another person residing in Vietnam to exercise the rights and perform the obligations of the Legal Representative of the Company;
 - b. In case the authorization period expires but the Legal Representative has not returned to Vietnam and has not given any other authorization, the authorized person (pursuant to point a this clause) shall continue exercising the rights and performing the obligations of the Legal Representative within the scope of authorization until the Legal Representative of the Company returns to work at the Company or until the Board of Directors decides to appoint another person to be the Legal Representative;
 - c. In case the Legal Representative is absent from Vietnam for more than thirty (30) days without authorizing any other person to exercise the rights and perform the obligations of the Legal Representative of the Company, or is dead, missing, being prosecuted for criminal liability, held in temporary detention, serving their imprisonment penalty, serving administrative settlement measures at compulsory drug rehabilitation establishment or compulsory education establishment, has his/her civil act capacity limited or lost, has difficulty in perceiving and controlling his/her acts, is prohibited by the Court from holding certain positions or practicing certain professions or performing certain jobs, then the Board of Directors shall appoint another person the Legal Representative of the Company. During the period in which the Board of Directors has not so appointed the Legal Representative of the Company yet, the Chairman of the Board of Directors shall automatically

become the Legal Representative of the Company.

CHAPTER II

OBJECTIVES, SCOPE AND PRINCIPLES OF OPERATION

Article 4. Operational objectives of the Company

To become the leading securities company in Vietnam, providing diversified securities products and services which shall bring outstanding values to the clients, contributing to the socio-economic development of the country.

Article 5. Scope of business and operation of the Company

1. Business activities of the Company shall include:

- a. Securities brokerage;
- b. Securities proprietary trading;
- c. Securities issuance underwriting;
- d. Securities investment consultancy.

The Company may supplement, withdraw one or more of the aforesaid business activities subject to the SSC's approval.

2. In addition to the securities business activities specified in clause 1 this Article, the Company may provide services of securities depository, financial advice, taking entrustment and management of investors' securities trading accounts and other financial services pursuant to regulations issued by the Ministry of Finance.
3. The Company shall obtain the SSC's written approval before performing the activities stipulated in clause 1 Article 87 of the Law on Securities, particularly including:
 - a. Temporarily suspending its operation, except for the case of temporary suspension of operation due to a force majeure event;
 - b. Offering and listing its securities abroad;
 - c. Conducting indirect offshore investment;
 - d. Establishing, closing its branches, representative offices domestically or abroad; establishing its subsidiaries abroad;
 - e. Changing the business operations of its branches; establishing, closing its transaction offices; changing names, locations of its branches, representative offices, transaction offices;
 - f. Providing online securities trading services;

- g. Providing or coordinating with credit institutions to provide clients with services of lending money to buy securities, services of lending securities, services of advancing proceeds to be received from securities sales;
- h. Securities depository;
- i. Securities clearing and settlement;
- j. Services in the derivatives market.

Article 6. Principles of operation

1. The Company shall comply with the general principles of operation regarding governance and management as follows:
 - a. To comply with the Law on Securities, the Law on Enterprises, this Charter and other Laws relating to company governance;
 - b. To clearly define responsibilities of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors, the Board of Supervision, the Chief Executive Officer in accordance with the Law on Securities, the Law on Enterprises and other applicable Laws;
 - c. To set up a system for communication with the Shareholders to ensure provision of sufficient information and fair treatment among the Shareholders, guaranteeing the legitimate rights and interests of the Shareholders;
 - d. To establish the systems for internal control, risk management and supervision, prevention of conflicts of interest within the Company and in transactions with Related Person;
 - e. To ensure that employees working in the professional departments shall have securities practising certificates appropriate for the performed operational operations pursuant to the Laws on securities and stock market; and
 - f. To do business in a fair and honest manner.
2. The Company must comply with the following principles in performing professional operations:
 - a. To issue professional operation processes and issue code of conduct;
 - b. Not to conduct investments on behalf of clients, except for the case of taking entrustment and management of securities trading accounts for individual investors;
 - c. To be honest toward clients and not infringe upon the assets, other legitimate rights and interests of clients; separately manage assets of each client, separate the clients' assets from those of the Company;
 - d. To sign contracts with clients when providing services to them; to provide

- complete and honest information to clients;
- e. Unless otherwise provided by the Laws, when providing services to clients, the Company shall not directly or indirectly commit the following acts:
 - i. Making securities investment decisions on behalf of clients,
 - ii. Agreeing with clients to share profit or loss,
 - iii. Advertising, declaring that the contents, the efficiency, or the methods of its securities analysis is of higher value than that of another securities company,
 - iv. Providing untruthful information to entice or call upon clients to purchase or sell securities of a certain type,
 - v. Providing falsified, deceiving or misleading information to clients,
 - vi. Other acts contrary to the Laws;
 - f. To implement the regime of accounting, auditing, statistics, financial obligations pursuant to the Laws;
 - g. To conduct disclosure of relevant information and make reports promptly, fully and accurately pursuant to the Laws;
 - h. To build information technology systems, backup databases to ensure safe and continuous operations;
 - i. To conduct supervision of securities transactions pursuant to regulations of the Minister of Finance;
 - j. To set up a specialized unit in charge of communication with clients and settlement of clients' questions and complaints; and;
 - k. To implement other obligations pursuant to the Laws.

Article 7. Provisions on general prohibition and restriction in respect of the Company

1. Not to directly or indirectly commit deceitful or swindling acts, forge documents, fabricate untruthful information or disclose falsified information or hide information or omit necessary information causing serious misunderstanding which affects securities offering, listing, trading, business or investment, provision of securities services.
2. Not to use internal information to buy or sell securities for oneself or for others; disclose, provide internal information or advise others to buy, sell securities based on internal information.
3. Not to use one or more trading accounts of one's own or others or connive with

others in buying or selling securities with a view to creating false supply and demand; conduct securities transactions in the form of colluding with or enticing others to buy or sell securities with a view to manipulating securities prices; use in combination with or use other trading methods or combine with spreading untruthful rumors, providing false information to the public with a view to manipulating securities prices.

4. Not to carry out securities business activities, provide securities services without having licenses or certificates granted or being approved by the SSC.
5. Not to use accounts, assets of clients without their entrustment or in contravention of the laws or abuse trust to appropriate clients' assets.
6. Not to lend accounts to others to conduct securities trading, use one's own name to own securities on others' behalf, which leads to acts of manipulating securities prices.
7. Not to provide clients with assessments or guarantees in respect of rate of income or profit gained from their investments, guarantee that customers will not suffer losses, except for the case of investment in securities with fixed income.
8. Not to disclose information about clients, unless consented by the clients or requested by a competent authority.
9. Not to take acts that mislead customers and investors as to securities prices.
10. To carry out business operations, provide securities services in one's own names; not use names of other organizations, individuals or permit other organizations, individuals to use one's own name in securities trading or providing securities services.
11. Not to contribute capital for establishment of, purchase shares, capital contributions in another securities company in Vietnam, except for the following cases:
 - a. The purchase is for the purpose of consolidation or merger;
 - b. The purchase is for itself or itself and its related person (if any) to own no more than 05% of outstanding voting shares in a securities company listed or registered for trading.

Article 8. Provisions on prohibition and restriction in respect of professional operations of the Company

1. In respect of securities brokerage:
 - a. Not to give groundless opinions on securities price increase or decrease with a view to enticing clients to participate in trading;
 - b. Not to make agreement upon or offer particular interest rates or make agreement on sharing profits or losses with clients with a view to enticing

-
- clients to participate in trading;
 - c. Not to directly or indirectly establish fixed places outside transaction places approved by the SSC for signing contracts on opening trading accounts with clients, receiving, executing securities trading orders or conducting settlement of securities transactions with clients, except for the case of conducting online securities transactions;
 - d. Not to receive orders, conduct settlement of transactions with persons other than the holders of trading accounts without written authorization from the holders of trading accounts;
 - e. Not to reveal contents of trading orders placed by clients or other confidential information acquired through conducting transactions for clients, which are not for information disclosure or not based on requests for inspection, examination pursuant to the Laws;
 - f. Not to use names or accounts of clients for securities registration, trading;
 - g. Not to infringe upon assets, other rights and interests of clients.
2. In respect of securities investment and proprietary trading:
- a. To ensure having sufficient money and securities to conduct settlement for trading orders for its own accounts;
 - b. To act on its own name, not in the name of another person or in the capacity of an individual or let others use its proprietary trading accounts;
 - c. To give a higher priority to the execution of clients' orders over that of its own orders;
 - d. To keep clients notified when it acts as a counterparty in put through transactions with clients;
 - e. Not to purchase, sell in advance the securities of the same type for itself or disclose information to third parties for them to purchase, sell such securities if the securities purchase, selling orders of clients may significantly affect the price of such securities;
 - f. Not to conduct front running purchase or selling of the securities of the same type for itself at a price equal to or better than clients' prices before clients' orders are executed in case the clients place limited orders;
 - g. Not to conduct by itself or entrust other organizations, individuals to conduct:
 - i. Investment in shares or capital contributions in a company that holds more than 50% of the Company's Charter Capital, except for the case of purchase of odd-lot shares at the request of clients;

-
- ii. Together with Related Person, investment in 05% or more of the charter capital of another securities company;
 - iii. Investment in more than 20% of total outstanding shares, fund certificates of a listed institution;
 - iv. Investment in more than 15% of total outstanding shares, fund certificates of an unlisted institution, this provision shall not be applicable to membership fund certificates, exchange traded fund certificates and open-ended fund certificates;
 - v. Investment in or contribution of more than 10% of total contributed capital of a limited liability company or business project;
 - vi. Investment in or contribution of capital to an organization or business project, which is valued more than 15% of equity capital;
 - vii. Investment in shares, capital contributions and business projects, which is valued more than 70% of equity capital, and provided that no more than 20% of equity capital shall be invested in unlisted shares, capital contributions and business projects.

3. In respect of securities issuance underwriting:

Issuance underwriting shall not be conducted in the form of firm commitment or in the capacity as the principal underwriter in the following cases:

- a. The Company independently or together with its related person owns 10% or more of the charter capital of the issuer, or has the right to control the issuer, or has the right to appoint the Chief Executive Officer of the issuer;
- b. At least 30% of the Company's Charter Capital and at least 30% of the charter capital of the issuer are held by the same individual or organization;
- c. The issuer, independently or together with its subsidiaries or related person, owns 20% or more of the Company's Charter Capital, or has the right to control the Company, or has the right to appoint the Chief Executive Officer of the Company;
- d. A member of the Board of Directors, the Chief Executive Officer or a related person of the Company is concurrently a member of the board of directors, the Chief Executive Officer (director) of the issuer;
- e. A member of the board of directors, the Chief Executive Officer (director) and the related person of the issuer are the member of the Board of Directors, the Chief Executive Officer of the Company;
- f. The Company and the issuer have the same legal representative.

4. In respect of securities investment consultancy:

- a. To ensure that the securities investment consultancy contents are reasonably and suitably grounded on the basis of reliable information, logical analyses; the provided securities investment recommendations be relevant and appropriate to securities analysis contents and stock market, with sources of cited data and names of responsible persons being clearly specified;
- b. To ensure that clients make investment decisions based on sufficient information being provided, including both contents and risks of provided products and services;
- c. To keep confidentiality of information received from consultancy service users in the course of providing consultancy services, unless consented by clients or otherwise required by the Laws;
- d. To provide investment consultancy relevant to clients' investment purposes and financial status and take responsibility for analysis results and reliability of information provided to clients;
- e. Not to provide securities investment consultancy services to companies of which the Company holds 10% or more of the charter capital.

Article 9. Issuance of secured warrants

1. The Company shall issue warrants and carry out all professional activities relevant to secured warrants pursuant to the Laws.
2. Professional activities relating to secured warrants shall include:
 - a. Issuance, offer for sale and listing of warrants;
 - b. Activities of market creation for warrants;
 - c. Hedging for warrants;
 - d. Brokerage and investment consulting for warrants;
 - e. Other professional activities relating to warrants pursuant to the Laws.
3. An owner of warrant in the Company shall be a partially secured creditor of the Company and have the following rights:
 - a. To be paid in cash or by transfer of underlying securities pursuant to the conditions and payment methods prescribed by the Company in the prospectus of each issuance tranche and pursuant to the relevant Laws;
 - b. To resell the warrants to the Company pursuant to the regulations on market creation activities;
 - c. To be paid in cash when the secured warrants are delisted pursuant to the Laws;

- d. To transfer, give or present, bequeath, pledge for borrowing loan in civil relationships pursuant to the Laws;
- e. To be given priority in payment when the Company is dissolved or bankrupt pursuant to the Laws; and
- f. Other rights as prescribed in the respective prospectus and pursuant to the Laws.

CHAPTER III

CHARTER CAPITAL AND SHARES

Article 10. Charter Capital and shares

1. The Company's Charter Capital is 4,580,523,670,000 (Four thousand five hundred and eighty billion, five hundred and twenty three million, six hundred and seventy thousand Vietnamese dong).
2. The Company's total Charter Capital is divided into 458,052,367 ordinary shares. The face value of shares is VND 10,000/share.
3. The Company's shares on the date this Charter is adopted include only ordinary shares. The rights and obligations of Shareholders holding ordinary shares are stipulated in Articles 16, 17 and 18 of this Charter.
4. Each ordinary share carries one (01) vote. The person owning ordinary shares is an ordinary Shareholder. The holders of ordinary shares shall have the right to participate in the Company's decision-making process in the form of casting votes at the meeting of the General Assembly of Shareholders or collecting Shareholder's written opinion.
5. In case the Company issues additional ordinary shares to increase capital, such additional ordinary shares being issued must be priorly offered for sale to existing Shareholders in proportion to their ratio of ordinary share ownership in the Company. Unless the General Assembly of Shareholders decides otherwise, if an existing Shareholder does not register to purchase in full the ordinary shares being additionally issued, the Board of Directors may decide to distribute such shares to other entities in accordance with such terms and manner which the Board of Directors deems appropriate, provided that the terms of distribution shall not be more favorable than those being offered for sale to existing Shareholders.
6. The Company may redeem shares issued by the Company itself in the manners specified in this Charter and the applicable Laws. The shares being redeemed by the Company shall be treasury shares, which may be offered for sale by the Board of Directors in manners consistent with this Charter and the Laws.
7. The Company may issue other types of shares when approved by the General

Assembly of Shareholders and in accordance with applicable Laws.

8. The maximum foreign ownership in the Company is 49% of Charter Capital.

Article 11. Share certification

1. Shareholders of the Company shall be granted share certification corresponding to the number of shares and types of shares they own.
2. Share certificate shall be written certificate issued by the Company, book entry or electronic data, which confirms the ownership over one or more shares in the Company. Share certificate must contain all contents as required by the Laws.
3. In case the shares are listed or registered for trading on the stock market, the certification of shares shall be carried out pursuant to the Law on Securities and relevant Laws. In other cases, the certification of shares shall be carried out within fifteen (15) days, from the date the parties submit the full application dossier for transfer of ownership of shares to the Company or within two (02) months (or subject to the issuance terms) from the date of full payment of share purchase price pursuant to the share issuance plan of the Company.
4. In case only a portion of shares recorded in a share certificate are transferred, the old certificate shall be destroyed and the new certificate recording the remaining shares shall be issued free of charge by the Company.
5. In case the share certificate is erased, damaged or lost, destroyed, the owner of the shares may request the Company to reissue the new share certificate on the condition that such owner must provide evidence of share ownership and pay all related expenses. The Shareholder's request must include the following contents:
 - a. Information about the share certificate being lost, damaged or otherwise destroyed.
 - b. Commitment to take responsibility for disputes arising from the reissuance of new share certificate.

Article 12. Certificate of other securities

Bond certificate or certificate of other securities of the Company (except for offer letters, temporary certificates and similar documents) shall be affixed with the Company's seal and signed by the Company's Legal Representative.

Article 13. Transfer of shares

1. The Company's shares may be freely transferred, except for cases in which the share transfer is restricted pursuant to this Charter and the applicable Laws. The Company's shares which are listed on the Stock Exchange may be transferred pursuant to the Laws on securities and stock market.
2. Shares not fully paid shall not be transferred nor entitled to associated rights and

benefits such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase share capital from equity capital source, the right to subscribe for shares newly offered for sale and other rights and benefits pursuant to the Laws.

Article 14. Redemption of shares

1. The Company at its discretion may redeem no more than 30% of the total number of sold ordinary shares in order to decrease the Charter Capital pursuant to Article 133 of the Law on Enterprises in accordance with the following provisions:
 - a. The Board of Directors may decide to redeem no more than 10% of the total number of sold ordinary shares within 12 months. In other cases, the redemption of shares shall be decided by the General Assembly of Shareholders.
 - b. The Board of Directors shall decide on the price for redemption of shares. The price for redemption of ordinary shares must not be higher than the market price at the time of redemption, except for the case specified in point c of this clause.
 - c. The Company may redeem shares of each Shareholder in proportion to their ratio of share ownership in the Company pursuant to the following order, procedures:
 - i. The Company's decision on redemption of shares shall be notified via a method that guarantees reaching to all Shareholders within 30 days after the decision on redemption is made. The notice must include the name, head office address of the Company, total number of shares and type of shares to be redeemed, price for redemption or principle for determination of the price for redemption, procedures and time limit for payment, procedures and time limit for Shareholders to sell their shares to the Company.
 - ii. A Shareholder who agrees to have its shares redeemed shall send a written agreement on selling of shares via a method that guarantees reaching to the Company within 30 days from the date of notification. The written agreement on selling of share must specify the full name, contact address, number of legal document in respect of Shareholders being individual; name, enterprise code or number of legal document of organization, head office address in respect of Shareholders being organization; number of shares owned and number of shares agreed for selling; payment method; signature of the Shareholder or its Legal representative. The Company shall only redeem shares within the above-mentioned time limit.
2. The Company may redeem shares at the request of an existing Shareholder pursuant to Article 132 of the Law on Enterprises in the case such Shareholder has voted against a resolution on the reorganization of the Company (including division,

separation, consolidation, merger or conversion of enterprise form) or the change to the rights, obligations of Shareholders specified in this Charter. Within ten (10) days from the date the General Assembly of Shareholders passes the resolution against which the Shareholder voted, the Shareholder must send a written request to the Company clearly stating the name and address of the Shareholder, the number of shares of each type, the expected selling price, the reason for requesting redemption by the Company. In this case, the Board of Directors shall decide the redemption plan. Unless otherwise stipulated by the Laws, the share redemption price shall be the lowest of:

- a. the average of the closing price of thirty (30) trading days immediately preceding the date the Company agrees to the redemption,
 - b. Seventy percent (70%) of the book value recorded in the Company's latest audited or reviewed financial statements.
3. The Company shall redeem the employees' shares pursuant to the Company's employee stock ownership plan. In this case, the Board of Directors shall decide on the redemption plan and report the total number of employees' shares having been redeemed by the Company to the nearest annual meeting of the General Assembly of Shareholders. After completing the redemption, the Company must carry out procedures to reduce the Charter Capital corresponding to the total par value of the shares redeemed by the Company.
 4. The Company may redeem odd shares under a plan of issuance of share to pay dividends, issuance of shares from equity capital source at the decision of the Chief Executive Officer on the basis of the share issuance plan approved by the General Assembly of Shareholders.
 5. The Company may redeem shares to correct transaction errors and odd-lot shares at the decision of the Chief Executive Officer.
 6. The Company shall not redeem its shares in the following circumstances:
 - a. It is having overdue payable liabilities based on the latest audited annual financial statements (if the expected time of redemption is before 30 June) or based on the reviewed semi-annual financial statements (if the expected time of redemption is after 30 June), except for the case the Company redeems shares pursuant to clause 5 this Article.
 - b. It is in the process of offer for sale, issuance of shares to mobilize additional capital, except for the case the Company redeems shares pursuant to clause 5 this Article.
 - c. The Company's shares are subject to public offering for purchase, except for the case the Company redeems shares pursuant to clauses 2, 3, 4, 5 this Article.
 - d. It has carried out the redemption of its shares in 6 preceding months (from the date of reporting the redemption result) or has completed a tranche of offer

for sale, issuance of shares to increase capital in 6 preceding months (from the date of completion of the tranche of offer for sale, issuance), except for the case the Company redeems shares pursuant to clauses 2, 3, 4, 5 this Article.

- e. Except for the case of redemption of shares in proportion to ratio of ownership in the Company or redemption of shares pursuant to a judgement or decision of the Court or Arbitration or redemption of shares via transactions conducted in accordance with order matching method, the Company shall not redeem shares of the following entities:
 - i. Internal Persons and their related persons;
 - ii. Persons owning shares which are subject to transfer restrictions pursuant to the Laws; and
 - iii. Major Shareholders.

Article 15. Change to the Charter Capital

1. The Company may increase, decrease the Charter Capital pursuant to decision of the General Assembly of Shareholders subject to satisfaction of requirements under the Laws.
2. Method of increase of the Company's Charter Capital:
 - a. Issuing shares to mobilize capital pursuant to the Laws;
 - b. Converting retained earnings, other lawful sources pursuant to the Laws;
 - c. Converting convertible bonds into shares;
 - d. Issuing shares to pay dividends, issuing bonus shares;
 - e. Converting loans into contributed capital pursuant to agreement between the Company and creditors.
3. The decrease of the Charter Capital shall be decided by the General Assembly of Shareholders provided that the condition on minimum Charter must be ensured pursuant to the Laws after the capital decrease.

CHAPTER IV

SHAREHOLDERS AND GENERAL ASSEMBLY OF SHAREHOLDERS

Article 16. Rights of the Shareholders

1. To attend and express opinion in the meeting of the General Assembly of Shareholders and exercise the voting right directly or through an authorized

representative or in other forms stipulated by Laws. Each ordinary share carries one vote. In case of authorization, the authorization must be made in writing or by other electronic method in accordance with the Law, which must clearly state the name of the authorized individual, organization and the number of authorized shares.

2. To receive dividends at the rate decided by the General Assembly of Shareholders.
3. To be given priority in subscribing for new shares in proportion to each Shareholder's ratio of ordinary share ownership in the Company.
4. To freely transfer their shares to others, except for cases of transfer restriction pursuant to the Laws.
5. To review, look up and make extract of information on names and contact addresses in the list of Shareholders with voting rights, request correction of their incorrect information pursuant to Article 49 of this Charter. In case the Company's shares are listed on the Stock Exchange, the review, lookup and extract of information must comply with the Laws on securities.
6. To review, look up, make extract or copy of the Company's Charter, the meeting minutes of the General Assembly of Shareholders and the Resolution of the General Assembly of Shareholders pursuant to Article 49 of this Charter.
7. When the Company is dissolved or bankrupt, to receive a portion of the remaining assets in proportion to the ratio of share ownership in the Company.
8. To request the Company to redeem shares pursuant to clause 2 Article 14 of this Charter.
9. To be entitled to equal treatment. Each ordinary share shall give Shareholders equal rights, obligations and benefits.
10. To have full access to periodic and extraordinary information disclosed by the Company pursuant to the Laws.
11. To be entitled to protection of their legitimate rights and interests; propose the termination, cancellation of resolutions, decisions of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors pursuant to the Laws.
12. Other rights pursuant to this Charter and the Laws.

Article 17. Rights of Major Shareholders

1. A Shareholder or group of Shareholders owning 05% or more of the total number of ordinary shares has the following rights:
 - a. To review, look up, make extract of the book of minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervision, contracts, transactions that must be approved by the Board of Directors and other documents, except for

documents relating to trade secrets, business secrets of the Company pursuant to Article 49 of this Charter.

- b. To request convening the meeting of the General Assembly of Shareholders in case the Board of Directors seriously violates the rights of Shareholders, the obligations of managers or makes decisions beyond its delegated authority. The request to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders must be in writing and include the following contents: full name, contact address, nationality, number of legal document of the individual in respect of Shareholders being individual; name, enterprise code or number of legal documents of organization, head office address in respect of Shareholders being organizations; the number of shares and the time of registration of shares of each Shareholder, the total number of shares of the whole group of Shareholders and the ratio of ownership in the total number of shares of the Company, the grounds and reasons for requesting to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders. Enclosed with the request to convene meeting, there must be documents and evidences about violations of the Board of Directors, the seriousness of violations or decisions beyond the competence.
 - c. To request the Board of Supervision to examine each specific issue relating to the management and operation of the Company's activities when deeming it necessary. The request must be in writing and must include the following contents: full name, contact address, nationality, number of legal document of the individual in respect of Shareholders being individual; name, enterprise code or number of legal document of organization, head office address in respect of Shareholders being organization; the number of shares and the time of registration of shares of each Shareholder, the total number of shares of the whole group of Shareholders and the ratio of ownership in the total number of shares of the Company; the issues to be examined, the purpose of the examination.
 - d. To propose issues to be included in the agenda of the meeting of the General Assembly of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the Company at least 07 working days before the opening date. The proposal must clearly state the name of the Shareholder, the number of shares of each type of the Shareholder, the issues proposed to be included in the meeting agenda, the reasons and purpose of the proposal.
 - e. Other rights pursuant to this Charter and the Laws.
2. A Shareholder or groups of Shareholders owning 10% or more of the total number of ordinary shares shall have the right to nominate persons to the Board of Directors and the Board of Supervision pursuant to Articles 30 and 41 of this Charter. The nomination of persons to the Board of Directors and the Board of Supervision shall be conducted as follows:

- a. The ordinary Shareholders forming group for nominating persons to the Board of Directors and the Board of Supervision must make notification of the group's meeting to the Shareholders attending the meeting before the opening of the meeting of the General Assembly of Shareholders.
- b. Based on the number of members of the Board of Directors and the Board of Supervision, a Shareholder or a group of Shareholders stipulated in this clause may nominate one or more persons pursuant to the decision of the General Assembly of Shareholders as candidates for the Board of Directors and the Board of Supervision.

Article 18. Obligations of Shareholders

1. To pay in full and on time for the number of shares committed to buy.
2. Not to withdraw capital having been contributed by way of ordinary shares from the Company in any form, except for the case of share redemption by the Company or share purchase by another person. In case a Shareholder withdraws part or all of the contributed share capital contrary to the provisions of this clause, such Shareholder and the persons with related interests in the Company must be jointly liable for all debts and other property obligations of the Company to the extent of the value of the shares having been withdrawn and the damages having arisen.
3. To comply with the Company's Charter and the Company's internal management regulations.
4. To implement resolutions and decisions of the General Assembly of Shareholders and the Board of Directors.
5. To keep confidentiality of information provided by the Company; only use the provided information to exercise and protect their legitimate rights and interests; it is strictly prohibited to distribute or copy, send information provided by the Company to other organizations, individuals.
6. To attend the meeting of the General Assembly of Shareholders and exercise the voting right through the following forms:
 - a. Attending and voting directly at the meeting.
 - b. Authorizing other individuals, organizations to attend and vote at the meeting.
 - c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic means.
 - d. Sending votes to the meeting by mail, fax, email or other form of communication.
7. To take personal responsibility when acting on behalf of the Company in any form to perform one of the following acts:

- a. Violating the laws
 - b. Conducting business and other transactions for self-interest or for the interests of other organizations, individuals.
 - c. Paying immature debts before financial risks to the Company.
8. A Shareholder or group of related Shareholders owning 05% or more of the total number of ordinary shares shall be obliged to disclose information when becoming or no longer being a major shareholder of the Company and when there is a change in the number of shares owned over the thresholds of 1% of the Company's voting shares.
9. To fulfill other obligations pursuant to the Laws.

Article 19. General Assembly of Shareholders

1. The General Assembly of Shareholders, consisting of all Shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Assembly of Shareholders shall hold one annual meeting per year and within four (04) months from the end of the financial year. The Board of Directors shall decide on the extension of the annual meeting of the General Assembly of Shareholders in case of necessity, but not exceeding 06 months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Assembly of Shareholders may hold extraordinary meetings. The meeting venue of the General Assembly of Shareholders is determined to be the place where the chairman attends the meeting and must be in the territory of Vietnam.
2. The Board of Directors shall convene the annual meeting of the General Assembly of Shareholders and select an appropriate venue. The annual meeting of the General Assembly of Shareholders shall decide on issues provided by the Law and this Charter, especially shall approve the audited annual financial statements. In case the report on audit of the annual financial statements of the Company contains material exceptions, conflicting opinions or refusals, the Company must invite a representative of the audit organization approved to audit the financial statements of the Company to attend the annual meeting of the General Assembly of Shareholders and the representative of such approved audit organization has the responsibility to attend the annual meeting of the General Assembly of Shareholders of the Company.
3. The Board of Directors must convene an extraordinary meeting of the General Assembly of Shareholders in the following cases:
 - a. The Board of Directors considers it necessary for the benefit of the Company.
 - b. The number of remaining members of the Board of Directors, the Board of Supervision are less than the minimum number of members provided by the Laws.

-
- c. At the request of a Shareholder or a group of Shareholders provided in clause 1 Article 17 of this Charter.
 - d. At the request of the Board of Supervision.
 - e. Other cases provided by the Laws and this Charter.
 4. Convening an extraordinary meeting of the General Assembly of Shareholders
 - a. The Board of Directors must convene a meeting of the General Assembly of Shareholders within 30 days from the date on which the remaining number of members of the Board of Directors, the Board of Supervision are as provided in point b clause 3 of this Article or upon receipt of a request provided in points c and d clause 3 of this Article. In case the Board of Directors fails to convene a meeting of the General Assembly of Shareholders as provided, the Chairman of the Board of Directors and members of the Board of Directors must compensate for any damage incurred to the Company.
 - b. In case the Board of Directors fails to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders as provided in point a clause 4 of this Article, within the next 30 days, the Board of Supervision shall in replacement of the Board of Directors convene the meeting of the General Assembly of Shareholders. In case the Board of Supervision fails to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders as provided, the Board of Supervision must compensate for any damage incurred to the Company.
 - c. In case the Board of Supervision fails to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders as provided in point b this clause, the Shareholder or group of Shareholders provided in clause 1 Article 17 of this Charter shall have the right to represent the Company to convene the meeting of the General Assembly of Shareholders. In this case, the Shareholder or group of Shareholders convening the meeting of the General Assembly of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the order and procedures for convening, conducting the meeting and making decisions of the General Assembly of Shareholders. All costs for convening and conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These costs shall not include expenses spent by Shareholders when attending the meeting of the General Assembly of Shareholders, whether they are accommodation and travel expenses.
 5. In respect of the contents approved under the previous resolutions of the General Assembly of Shareholders, which have not been implemented, the Board of Directors must report the same to the General Assembly of Shareholders at the nearest annual meeting. In case there is a change in content falling under the decision-making authority of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors must submit it to the General Assembly of Shareholders at the nearest meeting for approval before implementation.

Article 20. Rights and obligations of the General Assembly of Shareholders

1. The General Assembly of Shareholders shall have the following rights and obligations:
 - a. To approve the Company's development orientation;
 - b. To decide on the increase or decrease of the Charter Capital;
 - c. To decide on the class of shares and the total number of shares of each type which may be offered for sale; decide on the annual dividend rate of each type of shares;
 - d. To elect, remove, dismiss members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision;
 - e. To decide on the investment or selling of assets with a value of 35% or more of the total value of assets recorded in the latest financial statements of the Company;
 - f. To decide on the amendment, supplement of this Charter;
 - g. To approve annual financial statements;
 - h. To decide on the redemption of 10% to 30% of the total number of sold shares in the Company;
 - i. To review and handle violations by members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision causing damage to the Company and its Shareholders;
 - j. To decide on the reorganization, dissolution of the Company;
 - k. To decide on the budget or total remuneration, bonus and other benefits for the Board of Directors, the Board of Supervision;
 - l. To approve the Internal Regulations on Corporate Governance; the Regulations on Operations of the Board of Directors, Regulations on Operations of the Board of Supervision;
 - m. To approve the list of approved Audit Companies; decide on the approved Audit Company which will audit the operations of the Company, dismiss the approved auditor when deeming it necessary.;
 - n. Other rights and obligations as provided by the Laws.
2. The General Assembly of Shareholders shall discuss and approve the following issues:
 - a. Annual business plan of the Company;

-
- b. Audited annual financial statements;
 - c. Report of the Board of Directors on the governance and performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors;
 - d. Report of the Board of Supervision on the business results of the Company, the performance of the Board of Directors, the Chief Executive Officer;
 - e. Self-assessment report on the performance of the Board of Supervision and each Supervisor;
 - f. Dividend rate per share of each type;
 - g. Number of members of the Board of Directors, the Board of Supervision;
 - h. Election, removal, dismissal and replacement of members of the Board of Directors and the Board of Supervision;
 - i. Decision on the budget or total amount of remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors, the Board of Supervision;
 - j. Approval on the list of approved Audit Companies, decision on the approved Audit Company which will audit the Company's operations when deeming it necessary;
 - k. Supplement and amendment to this Charter, except for the case of adjustment of Charter Capital as a result of the sale of new shares made on the basis of the General Assembly of Shareholders approving the offer for sale of shares to increase the charter capital, and concurrently assigning the Board of Directors to conduct procedures to register the increase in charter capital after closing of each tranche of share sale, which case shall be approved by the Board of Directors;
 - l. Type and number of new shares issued for each type of shares;
 - m. Division, separation, consolidation, merger or conversion of the Company;
 - n. Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of liquidator;
 - o. Decision on the investment or selling of assets with a value equal to or greater than 35% of the total value of assets recorded in the latest financial statements of the Company;
 - p. The Company redeeming more than 10% to 30% of the total number of sold shares in the Company;
 - q. The Company entering into contracts, transactions with a value of 35% or more or transactions which cause the total value of transactions arising within 12 months from the date of performing the first transaction to be 35% or more

of the total value recorded in the latest financial statements of the Company with the following related persons:

- i. Shareholders, authorized representatives of Shareholders being organization owning more than 10% of the total ordinary shares in the Company and their related persons;
 - ii. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, other Managers and their Related Persons;
 - iii. Enterprises which members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Managers of the Company must disclose pursuant to the Law on Enterprises.
- r. The Company entering into contracts, transactions on borrowing, lending, selling of assets with a value greater than 10% of the total value of assets recorded in the latest financial statements of the Company with a Shareholder owning 51% or more of the total number of shares with voting rights or related persons of such Shareholder;
 - s. Internal Regulations on Corporate Governance, Regulations on Operations of the Board of Directors, Regulations on Operations of the Board of Supervision;
 - t. Other matters as provided by the Laws and this Charter.
3. A Shareholder shall not vote in the following cases:
- a. Approval of contracts provided in Clause 2 this Article when such Shareholder or its related person is a party to the contract;
 - b. Redemption of shares of such Shareholder or its related person, except where the redemption of shares is made in proportion to the ownership ratio of all Shareholders or the redemption is made through order-matching transactions on the Stock Exchange or a public offer for purchase pursuant to the Laws.
4. All resolutions and issues included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the meeting of the General Assembly of Shareholders.

Article 21. Authorization to attend the meeting of the General Assembly of Shareholders

1. Shareholders, authorized representatives of Shareholders being organization may directly attend the meeting or authorize one or more other individuals, organizations to attend the meeting. In case a Shareholder has more than one authorized representative, it must specify the number of shares and the number of votes authorized to each representative.

2. The authorization for a representative to attend the meeting of the General Assembly of Shareholders must be made in writing. The authorization document may be made in paper or by electronic means in accordance with the Laws, clearly stating the name of the authorizing Shareholder, the name of the authorized individual, organization, the number of authorized shares, the contents of authorization, the scope of authorization, the period of authorization and must have signature in accordance with the following provisions:
 - a. In case the Shareholder being individual is the authorizing person, the authorization document must be signed by such Shareholder and the person authorized to attend the meeting,
 - b. In case the Shareholder being organization is the authorizing person, authorization document must be signed by the legal representative of the Shareholder being organization or the duly authorized representative of such person and the person authorized to attend the meeting.
3. The person authorized to attend the meeting of the General Assembly of Shareholders must submit the authorization document before the start of the meeting of the General Assembly of Shareholders. In case of re-authorization, the meeting attendee must also present the original authorization document of the Shareholder, the authorized representative of the Shareholder being organization (if not previously registered with the Company).
4. The vote of the person authorized to attend the meeting within the scope of authorization shall still be valid when one of the following cases occurs:
 - a. The authorizing person has died, has capacity for civil acts limited or has lost capacity for civil acts;
 - b. The authorizing person has cancelled the authorization;
 - c. The authorizing person has cancelled the power of the person performing the authorization.

This clause shall not apply in case the Company receives a notice of one of the above cases before the opening time of the meeting of the General Assembly of Shareholders or before the meeting is re-convened.

Article 22. Convening the meeting, meeting agenda and notice of invitation to the meeting of the General Assembly of Shareholders

1. The annual and extraordinary meeting of the General Assembly of Shareholders shall be convened in the cases provided in Article 19 of this Charter.
2. The convenor of the meeting of the General Assembly of Shareholders must perform the following tasks:
 - a. Preparing a list of Shareholders eligible to attend and vote at the meeting of

the General Assembly of Shareholders. The list of Shareholders entitled to attending the meeting of the General Assembly of Shareholders shall be made no earlier than ten (10) days before the date of sending the notice of invitation to the meeting of the General Assembly of Shareholders. The Company must disclose information about the making of the list of Shareholders entitled to attending the meeting of the General Assembly of Shareholders at least 20 days before the last registration date.

- b. Preparing the agenda and contents of the meeting.
 - c. Preparing documents relevant to the contents of the meeting.
 - d. Preparing draft resolutions of the General Assembly of Shareholders according to the proposed contents of the meeting.
 - e. Determining the time and venue of the meeting.
 - f. Sending notice of invitation to the meeting to all Shareholders entitled to attending the meeting.
 - g. Other tasks which serve the meeting.
3. Notice of meeting of the General Assembly of Shareholders shall be sent to all Shareholders in the list of Shareholders entitled to attending the meeting by a guaranteed method and at the same time published on the Company's website, the websites of the Stock Exchange, the SSC (when the Company is being listed or registered for trading). The notice of meeting of the General Assembly of Shareholders must be sent at least twenty one (21) days before the date of the meeting of the General Assembly of Shareholders (from the date on which the notice is duly sent or transmitted). The agenda of the meeting of General Assembly of Shareholders, documents relating to the issues to be voted on at the meeting shall be sent to the Shareholders or/and posted on the website of the Company. In case the documents are not attached to the notice of the meeting of the General Assembly of Shareholders, the notice of invitation to the meeting must clearly state the link to all meeting documents so that the Shareholders can access, including:
- a. Meeting agenda, documents used in the meeting;
 - b. List and details of candidates in case of election of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision;
 - c. Voting slips;
 - d. Draft resolutions for each issue in the meeting agenda.
4. A Shareholder or group of Shareholders provided in clause 1 Article 17 of this Charter shall have the right to propose contents to be included in the agenda of the meeting of the General Assembly of Shareholders.
5. The convenor of the meeting of the General Assembly of Shareholders shall have

the right to refuse the proposal provided in clause 4 this Article in the following cases:

- a. The proposal is not sent in accordance with point d clause 1 Article 17 of this Charter.
 - b. At the time of proposal, the Shareholder and group of Shareholders do not hold in full 05% or more of ordinary shares.
 - c. The proposed issues, contents are not within the scope of competence and tasks of the General Assembly of Shareholders.
 - d. Other cases as provided by the Laws.
6. Except for the case of refusal of proposal under clause 5 this Article, the convener of the meeting of the General Assembly of Shareholders must accept and include the proposal in the intended agenda and contents of the meeting of the General Assembly of Shareholders.

Article 23. Conditions for conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders

1. The meeting of the General Assembly of Shareholders shall be conducted when the number of Shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total number of votes.
2. In case the quorum is not met within thirty (30) minutes from the time at which the opening of the meeting is determined, the convener of the meeting shall cancel the meeting. The meeting of the General Assembly of Shareholders must be re-convened within thirty (30) days from the intended date of the first meeting. The meeting of the General Assembly of Shareholders convened for the second time shall be conducted when the number of attending members being the Shareholders and the authorized representatives represent at least 33% of the total number of votes.
3. In case the meeting convened for the second time cannot be conducted because the quorum is not met within thirty (30) minutes from the time set for opening the meeting, the meeting of the General Assembly of Shareholders shall be convened for the third time within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. In this case, the meeting of the General Assembly of Shareholders shall be conducted regardless of the number of votes of the Shareholders or the authorized representatives attending and be considered as valid and may decide on all issues intended to be approved at the first meeting of the General Assembly of Shareholders.
4. Shareholders shall be considered as attending and voting at the meeting of the General Assembly of Shareholders in the following cases:
 - a. Attending and voting directly at the meeting.

- b. Authorizing one or more other individuals, organizations to attend and vote at the meeting.
 - c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic means.
 - d. Sending votes to the meeting by mail, fax, email or other form of communication.
5. The provision of clause 4 this Article shall apply in case the General Assembly of Shareholders meets physically, via online conference and a combination of the above forms.

Article 24. Procedures for conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders

1. Before opening the meeting, the Company must carry out procedures for registration of Shareholders and must carry out the registration until all Shareholders with the right to attend the meeting, which are present, have been fully registered in accordance with the following order:
 - a. When conducting registration of Shareholders, the Company shall provide a voting slip to each Shareholder or authorized representative with voting right, which shall specify the registration number, full name of the Shareholder, full name of the authorized representative and number of votes of such Shareholder.
 - b. Shareholders, authorized representatives of Shareholders being organization or authorized persons who arrive after the opening of the meeting may be registered immediately and then may attend and vote at the meeting immediately after registration. The chairman has no obligation to stop the meeting for registration of the latecomers and the validity of previous voting shall not change.
2. The election of the Chairman, Secretary and Vote Counting Committee of the meeting of the General Assembly of Shareholders shall be as follows:
 - a. The Chairman of the Board of Directors shall act as the Chairman or authorize another member of the Board of Directors to act as Chairman of the meetings convened by the Board of Directors. In case the Chairman is absent or temporarily subject to loss of working ability, the remaining members shall elect one of them to act as the Chairman of the meeting pursuant to the principle of majority. In case of failure to elect a person to act as the chairman, the Head of the Board of Supervision shall direct the General Assembly of Shareholders to elect the meeting chairman and the person with the highest number of votes shall act as the meeting chairman.
 - b. Except for the case provided in point a this clause, the person signing the

convention of the meeting of the General Assembly of Shareholders shall direct the General Assembly of Shareholders to elect the meeting chairman and the person with the highest number of votes shall act as the meeting chairman.

- c. The Chairman shall appoint the Secretary, prepare the meeting minutes of the General Assembly of Shareholders.
 - d. The General Assembly of Shareholders shall elect one or more persons to the Voting Counting Committee at the proposal of the Chairman of the meeting.
3. The agenda and contents of the meeting must be approved by the General Assembly of Shareholders in the opening session. The agenda must define in a clear and detailed manner the time for each issue in the meeting agenda.
4. The chairman may take necessary and reasonable measures to run the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda and reflecting the wishes of the majority of meeting attendees. The chairman, after careful consideration, may take appropriate measures to:
 - a. Arrange seats at the venue of the meeting of the General Assembly of Shareholders;
 - b. Ensure the safety of everyone present at the meeting places;
 - c. Facilitate the Shareholders to attend (or continue to attend) the meeting.

The convenor of the meeting of the General Assembly of Shareholders may at his/her sole discretion change the above measures and apply all necessary measures. The applied measures may include issuance of a pass for entry or use of other options.

5. The General Assembly of Shareholders shall discuss and vote on each issue in the agenda. Voting must be done right at the meeting and conducted by voting in one of three options: agreement, disagreement and abstention. Shareholders' opinions other than the above voting options shall be invalid. The results of the vote counting shall be announced by the Chairman immediately before the closing of the meeting.
 6. The convenor or the Chairman of the meeting of the General Assembly of Shareholders shall have the following rights:
 - a. To require all meeting attendees to undergo a security check or comply with other security measures.
 - b. To request the competent body to maintain order of the meeting; expel those who do not comply with the Chairman's executive power, intentionally disrupt order, obstruct the normal process of the meeting or fail to comply with the requirements of security check from the meeting of the General Assembly of Shareholders.

7. The Chairman may postpone the meeting of the General Assembly of Shareholders, of which the quorum has been met, for no more than three (03) working days from the intended date of opening the meeting and may only postpone the meeting or change the meeting venue in the following cases:
 - a. There are insufficient convenient seats in the meeting venue for all participants.
 - b. It cannot be ensured that the means of communication at the meeting venue shall facilitate the Shareholders attending the meeting to participate, discuss and vote.
 - c. There are attendees who obstruct, disrupt order, threaten to prevent the meeting from being conducted in a fair and lawful manner.
8. In case the Chairman postpones or temporarily suspends the meeting of the General Assembly of Shareholders contrary to clause 7 this Article, the General Assembly of Shareholders shall elect one of the attendees to run the meeting until at the closing in replacement of the Chairman. All resolutions passed at such meeting shall come into force.

Article 25. Conditions for passing a Resolution of the General Assembly of Shareholders

1. A resolution of the General Assembly of Shareholders shall be approved if it is agreed by the number of Shareholders representing more than 50% of the total votes of all Shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases provided in clause 2 this Article, clause 4 Article 30, and clause 4 Article 41 of this Charter.
2. A resolution on the following contents shall be approved if it is agreed by the number of Shareholders representing at least 65% of the total votes of all Shareholders attending and voting at the meeting, except for the case provided in clause 4 Article 30 and clause 4 Article 41 of this Charter:
 - a. Type of shares and total number of shares of each type.
 - b. Change to business lines and fields.
 - c. Change to the Company's structure of organization and management.
 - d. Project of investment or sale of assets valued at 35% or more of the total value of assets of the Company recorded in the latest audited financial statements.
 - e. Reorganization, dissolution of the Company.
3. Resolutions approved by the General Assembly of Shareholders at the ratio of 100% of the total voting shares shall be legal and effective even if the order and procedures for approving such resolutions violate the Law on Enterprise and this

Charter.

Article 26. Organization of the meeting of the General Assembly of Shareholders in the form of online conference

1. Depending on the situation and circumstances, the Board of Directors may decide on conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders in the form of online conference or a combination of both physical meeting and online conference in the same meeting of the General Assembly of Shareholders to approve decisions of the General Assembly of Shareholders on all issues within the competence of the General Assembly of Shareholders.
2. The Company shall widely use information technology for meeting in the form of online conference to create favorable conditions for Shareholders to attend the meeting of the General Assembly of Shareholders.
3. Conditions for conducting the meeting of the General Assembly of Shareholders in the form of online conference shall be the same as those under Article 23 of this Charter. The basis for calculating the number of Shareholders attending the meeting shall be the number of Shareholders having completed registration to attend the online conference. In case of combining both physical meeting and online conference in the same meeting, the number of meeting attendees shall be the total number of Shareholders attending physically, and Shareholders registering to attend the online conference.
4. Meetings via online conference shall apply electronic voting and votes shall be cast electronically. The organizers may use technology to count and check the votes electronically. The organizers may decide to make the counting process public or only make the vote counting results public. Vote counting results must be announced before the closing of the meeting of the General Assembly of Shareholders, except that the Chairman may decide otherwise for objective reasons.
5. Resolutions approved in the form of online conference shall follow provisions under Article 25, clause 4 Article 30 and clause 4 Article 41 of this Charter and shall have the same validity as those approved at a physical meeting of the General Assembly of Shareholders.

Article 27. Organization of the collection of Shareholders' written opinions to approve Resolution of the General Assembly of Shareholders

1. Based on the actual situation and if it is deemed necessary for the benefit of the Company, the Board of Directors may decide to collect written opinions of Shareholders to approve the decision of the General Assembly of Shareholders on all issues falling within the competence of the General Assembly of Shareholders.
2. The Board of Directors shall prepare the opinion collection form, draft resolution of the General Assembly of Shareholders, documents explaining the draft

resolution and send the same to all Shareholders with voting rights no later than 10 days before the deadline to return the opinion collection form. The requirements and method for sending the opinion collection form and accompanying documents shall be the same as those provided in clause 3 Article 22 of this Charter.

3. The opinion collection form must contain the following main contents:
 - a. Name, head office address, enterprise code of the Company.
 - b. Purpose of opinion collection.
 - c. Full name, contact address, nationality, number of legal document of individual in respect of Shareholders being individual; name, enterprise code or number of legal document of organization, head office address in respect of shareholders being organization or full name, contact address, nationality, number of legal document of individual in respect of the representative of Shareholder being organization; number of shares of each type and number of votes of Shareholder.
 - d. Issues on which opinion needs to be collected to approve the decision.
 - e. Voting options including agreement, disagreement and abstention for each issue on which opinion needs to be collected.
 - f. Time limit for sending the completed opinion collection form to the Company.
 - g. Full name, signature of the Chairman of the Board of Directors.
4. Shareholders shall give answer in respect of the issue on which opinion needs to be collected in the opinion collection form by choosing one of three voting options: agreement, disagreement and abstention.
5. Shareholders may send the completed opinion collection form to the Company by mail, fax, email or other means of communication as follows:
 - a. The completed opinion collection form must be signed by the Shareholder being individual, the legal representative of the authorized organization or the legal representative of the Shareholder being organization.
 - b. In case of mailing, the opinion collection form sent to the Company shall be put in closely sealed envelope and no one may open it before vote counting is conducted. In case of sending by fax or email or by other means of communication, the opinion collection form must be kept confidential until the time the vote counting is conducted.
 - c. Opinion collection forms which have been opened in case of mailing or published before the time the vote counting is conducted in case of sending by fax, email, or other means of communication shall be invalid.
6. Opinion collection forms sent back within the requested time limit but not

complying with clauses 4 and 5 this Article shall be invalid. Opinion collection forms not sent back and opinion collection forms sent to the Company after the end of the opinion collection shall be considered as not participating in the voting.

7. The Board of Directors shall count the votes and makes a minutes on vote counting under the witness of the Board of Supervision or Shareholders not holding managerial positions in the Company. The vote counting minutes must contain the following main contents:
 - a. Name, head office address, enterprise code of the Company;
 - b. Purpose and issues on which opinion needs to be collected to approve the resolution;
 - c. Number of Shareholders with the total number of votes having participated in the voting, in which the number of valid and invalid votes and the method of sending votes must be distinguished, together with an appendix specifying the list of Shareholders participating in the voting;
 - d. Total number of votes of agreement, disagreement and abstention for each issue;
 - e. Issues having been approved and the corresponding ratio of votes of approval;
 - f. Full name, signature of the Chairman of the Board of Directors, the person counting the votes and the person supervising the vote counting.

The members of the Board of Directors, the person counting the votes and the supervisor of the vote counting shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting minutes; jointly liable for damages arising from decisions approved due to dishonest, inaccurate counting of votes.

8. The vote counting minutes and resolutions shall be published on the Company's website within twenty four (24) hours from the closing of the vote counting or sent to the Shareholders within fifteen (15) days from the closing of the vote counting.
9. The completed opinion collection form, the vote counting minutes, the full text of the approved resolution and relevant documents enclosed with the opinion collection form must all be kept at the head office of the Company.
10. Resolutions shall be approved in the form of collection of Shareholders' written opinions if it is agreed by the number of Shareholders owning more than 50% of the total votes of all Shareholders; resolutions for selection of member of the Board of Directors shall be approved in accordance with clause 4 Article 30 and selection of member of the Board of Directors shall be approved in accordance with clause 4 Article 41 of this Charter. Resolutions approved in the form of collection of Shareholders' written opinions shall have the same value as that of the resolution approved at a meeting of the General Assembly of Shareholders.

Article 28. Resolutions and meeting minutes of the General Assembly of Shareholders

1. Meetings of the General Assembly of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio or video recorded and kept in other electronic forms. Minutes must be made in Vietnamese, and in addition may be made in a foreign language and shall contain the following main contents:
 - a. Name, head office address, enterprise code of the Company;
 - b. Time and venue of the meeting of the General Assembly of Shareholders;
 - c. Meeting agenda and meeting contents;
 - d. Full name of the chairman and the secretary;
 - e. Summary of the meeting progress and opinions expressed at the meeting of the General Assembly of Shareholders on each issue in the agenda;
 - f. Number of Shareholders and total number of votes of Shareholders attending the meeting, appendix specifying the list of registered Shareholders, representatives of Shareholders attending the meeting with the corresponding number of shares and votes;
 - g. Total number of votes for each issue to be voted on, clearly stating the voting method, total number of valid and invalid votes, votes of agreement, disagreement and abstention; the respective ratio over the total number of votes of the Shareholders attending the meeting;
 - h. Issues having been approved and the respective ratio of votes of approval;
 - i. Full name and signature of the Chairman and the Secretary. In case the Chairman, the Secretary refuses to sign the meeting minutes, such minutes shall take effect if it is signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and agreeing approval, and contains all contents as provided in this clause. The meeting minutes shall clearly state that the Chairman, the Secretary refuses to sign the meeting minutes.
2. The meeting minutes of the General Assembly of Shareholders must be finalized and approved before the closing of the meeting. The Chairman and the secretary of the meeting or another person signing the meeting minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes' contents.
3. Minutes made in Vietnamese and foreign language shall have the same legal effect. In case there is any discrepancy in contents between the minutes in Vietnamese and foreign languages, the contents in the Vietnamese minutes shall prevail.
4. Resolutions, meeting minutes of the General Assembly of Shareholders and relevant documents must be disclosed pursuant to the Laws within twenty four (24)

hours.

Article 29. Request for cancellation of a Resolution of the General Assembly of Shareholders

1. Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or meeting minutes of the General Assembly of Shareholders or the minutes on vote counting results for collection of the Shareholders' written opinions, a Shareholder or group of Shareholders owning 05% or more of the total number of ordinary shares may request the Court or the Arbitration to consider, cancel the resolution or a part of the contents of the resolution of the General Assembly of Shareholders in the following cases:
 - a. The order, procedures for convening the meeting and making the resolution of the General Assembly of Shareholders seriously violate the Law on Enterprises and the Company's Charter, except for the case the resolution is approved at the ratio of 100% as provided in clause 3 Article 25 of this Charter.
 - b. The contents of the resolution violate the Laws or this Charter.
2. During the time the resolution of the General Assembly of Shareholders is considered by the Court or the Arbitration, the resolution of the General Assembly of Shareholders shall continue to be implemented until the decision of the Court or the Arbitration on cancellation of this resolution takes effect, except for the case of application of injunctive relief under a decision of a competent authority.
3. In case the resolution of the General Assembly of Shareholders is cancelled pursuant to the decision of the Court or the Arbitration, a meeting of the General Assembly of Shareholders may be reorganized in accordance with the manner and procedures provided in this Charter for re-considering, re-determining the contents mentioned in the cancelled resolution.

CHAPTER V

BOARD OF DIRECTORS

Article 30. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors

1. The nomination and candidacy for members of the Board of Directors shall be as follows:
 - a. A Shareholder or group of Shareholders owning 10% to less than 20% of the total number of voting shares may nominate up to one (01) candidate to the Board of Directors;
 - b. A Shareholder or group of Shareholders owning 20% to less than 30% of the

-
- total number of voting shares may nominate up to two (02) candidates for the Board of Directors;
- c. A Shareholder or group of Shareholders owning 30% to less than 40% of the total number of voting shares may nominate up to three (03) candidates for the Board of Directors;
 - d. A Shareholder or group of Shareholders owning 40% to less than 50% of the total number of voting shares may nominate up to four (04) candidates for the Board of Directors;
 - e. A Shareholder or group of Shareholders owning 50% to less than 60% of the total number of voting shares may nominate up to five (05) candidates for the Board of Directors;
 - f. A Shareholder or group of Shareholders owning 60% to less than 70% of the total number of voting shares may nominate up to six (06) candidates for the Board of Directors;
 - g. A Shareholder or group of Shareholders owning 70% to less than 80% of the total number of voting shares may nominate up to seven (07) candidates for the Board of Directors;
 - h. A Shareholder or group of Shareholders owning 80% to less than 90% of the total number of voting shares may nominate up to eight (08) candidates for the Board of Directors;
 - i. A Shareholder or group of Shareholders owning 90% or more of the total number of voting shares may nominate the full number of candidates for the Board of Directors.
2. In case the candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least 10 days before the opening date of the meeting of the General Assembly of Shareholders on the website of the Company so that Shareholders may learn about these candidates before voting. Candidates for the Board of Directors must have a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the personal information disclosed and must commit to perform their duties in an honest and prudent manner and for the best interests of the Company if being elected as member of the Board of Directors. Information related to candidates for the Board of Directors to be published shall include:
- a. Full name, date of birth;
 - b. Qualifications;
 - c. Work experience;
 - d. Other management titles (including the titles in the Board of Directors of other

Companies);

- e. Interests related to the Company and related parties of the Company.
3. In case the number of candidates for the Board of Directors through nomination, candidacy in accordance with clause 1 of this Article are still not sufficient as provided by the Laws, the incumbent Board of Directors shall nominate additional candidates in accordance with the order, procedures provided in the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations on Operations of the Board of Directors. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly announced before the General Assembly of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors.
4. Voting to elect members of the Board of Directors must be done by cumulative voting, whereby each shareholder shall have the total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members of the Board of Directors to be elected and such shareholder may cumulate all or a part of its total votes in favour of one or more candidates. The persons who are successfully elected as members of the Board of Directors shall be determined by the number of votes from the highest to the lowest, starting from the candidate receiving the highest number of votes until the full number of members provided in this Charter have been reached. In case two (02) or more candidates receive the same number of votes for the last member of the Board of Directors, the General Assembly of Shareholders shall conduct a re-election among such candidates receiving the same number of votes or a selection in accordance with the criteria under the election regulations.
5. The members of the Board of Directors must meet the standards and conditions as provided by the Laws, the Company's Internal Regulations on Corporate Governance and Regulations on Operations of the Board of Directors.

Article 31. Composition and term of office of members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall be at least five (05) persons and at most eleven (11) persons, and the specific number in each term shall be decided by the General Assembly of Shareholders.
2. The term of office of members of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of the Company for no more than 02 consecutive terms. In case all members of the Board of Directors have their terms ended at the same time, those members shall continue to be members of the Board of Directors until new members are elected for replacement and take over the duty. The term of office of the members elected for supplement or replacement of the members who have lost his/her membership status, are removed, dismissed within the term shall be the remaining period of the

Board of Directors' term of office.

3. In respect of the composition of the Board of Directors, it must be ensured that at least one third (1/3) of the total number of members of the Board of Directors shall be non-executive members, and in respect of the number of independent members of the Board of Directors in each term, it must be ensured that:
 - a. There shall be at least 01 independent member in case the Board of Directors comprises 05 members;
 - b. There shall be at least 02 independent members in case the Board of Directors comprises 06 to 08 members;
 - c. There shall be at least 03 independent members in case the Board of Directors comprises 09 to 11 members.
4. A member of the Board of Directors shall no longer be qualified as member of the Board of Directors in case he/she is removed, dismissed, replaced by the General Assembly of Shareholders in accordance with the Laws.
5. The appointment, removal, dismissal, replacement of members of the Board of Directors shall be disclosed in accordance with the Laws on information disclosure on the stock market.
6. Members of the Board of Directors are not required to be Shareholders of the Company.

Article 32. Rights and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall be the management body of the Company, have full power on behalf of the Company to decide and exercise the rights and obligations of the Company, except for the rights and obligations of the General Assembly of Shareholders.
2. The Board of Directors shall have the following rights and obligations:
 - a. To decide on the strategy, medium-term development plan and annual business plan of the Company;
 - b. To propose the type of shares and the total number of shares authorized to be offered for sale of each type;
 - c. To decide on the selling of unsold shares within the number of shares authorized to be offered for sale of each type; decide on mobilizing additional capital in other form;
 - d. To decide on the selling price of shares and bonds of the Company;
 - e. To decide on the redemption of no more than 10% of the total number of sold shares of each type within 12 months and decide on the redemption price in

- accordance with Article 14 of this Charter;
- f. To decide on the investment plans and investment projects within the competence and limits as provided by the Law on Enterprises, the Law on Securities and this Charter;
 - g. To decide on the market development, marketing and technology solutions;
 - h. To approve the contracts, transactions with a value of less than 35% of the total value of assets recorded in the latest financial statements of the Company with the following related persons:
 - i. Shareholders, authorized representatives of Shareholders being organization owning more than 10% of the total ordinary shares in the Company and their related persons;
 - ii. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, other Managers and their Related Persons;
 - iii. Enterprises which members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Managers of the Company must declare pursuant to the Law on Enterprises.
 - i. To approve contracts on purchase, selling, borrowing, lending and other contracts, transactions with a value of 35% or more of the total value of assets recorded in the latest financial statements of the Company, except for contracts, transactions falling under the decision-making power of the General Assembly of Shareholders as provided in points q and r clause 2 Article 20 of this Charter or unless otherwise provided by the Law on Enterprises;
 - j. To elect, remove, dismiss the Chairman of the Board of Directors; appoint, remove, dismiss, sign contracts, terminate contracts with the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officers and important executives of the Company as provided in the Regulations on Operations of the Board of Directors; decide on the salary and other benefits of such executives; appoint authorized representatives to participate in the members' council or the general assembly of shareholders of other companies, decide on the remuneration and other benefits of such persons;
 - k. To supervise and direct the Chief Executive Officer and other Managers of the Company in running the daily business of the Company;
 - l. To decide on the organizational structure, internal management regulations of the Company, decide on the establishment of Subsidiaries, branches, transaction offices, representative offices and the activities of merger, acquisition with other enterprises, which are not the proprietary investment activities and daily activities of the Company;

-
- m. To approve the program, contents of documents serving the meeting of the General Assembly of Shareholders, convene the meetings of the General Assembly of Shareholders or collect opinions for the General Assembly of Shareholders to approve resolutions;
 - n. To submit the audited annual financial statements to the General Assembly of Shareholders;
 - o. To propose the rate of dividend to be paid, decide on the time limit and procedures for paying dividends or deal with losses incurred in the course of business;
 - p. To propose the re-organization, dissolution of the Company; request bankruptcy of the Company;
 - q. To decide on the issuance of the Regulations on Operations of the Board of Directors, the Internal Regulations on Corporate Governance after they are approved by the General Assembly of Shareholders; decide on the issuance of regulations on operations of the Audit Committee, the Risk Management Committee, the Salary and Bonus Committee under the Board of Directors, decide on the issuance of regulations on information disclosure of the Company and other internal regulations of the Company;
 - r. To take responsibilities before Shareholders for the Company's operations;
 - s. To treat all Shareholders equally and respect the interests of the persons having interests related to the Company;
 - t. To ensure that the Company's operations comply with the Laws, this Charter and the Company's internal regulations;
 - u. To supervise and prevent conflicts of interest of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Managers, including the misuse of the Company's assets and abuse of transactions with related party;
 - v. To appoint the Person in charge of the Company's governance;
 - w. To organize training courses on corporate governance and necessary skills for members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers of the Company;
 - x. To establish departments or appoint persons to perform risk management and internal control tasks to meet the requirements of the Laws;
 - y. To settle the complaints by the Company against the Executives as well as decide on the selection of the Company's representative to deal with issues related to legal proceedings against such Executive;
 - z. The Board of Directors shall have the right of veto over the decision of the

-
- Chief Executive Officer in conducting any standard activity, provided that such veto is grounded;
- aa. The procurement of management liability insurance, which is not intended to bring material benefits or income to the Managers and Supervisors;
 - bb. To decide on other issues pursuant to the Laws and as authorized by the General Assembly of Shareholders.
3. The Board of Directors shall approve resolutions, decisions by way of voting at meeting or collecting written opinions.
 4. The Internal Regulations on Corporate Governance, the Regulations on Operations of the Board of Directors shall provide details regarding method to organize meetings, authorization to attend meetings, approval of resolutions, decisions of the Board of Directors and other issues. Each member of the Board of Directors shall have one vote. The organization of collection of written opinions to approve resolutions, decisions of the Board of Directors shall be conducted in accordance with the Internal Regulations on Corporate Governance.
 5. The Board of Directors must report to the annual meeting of the General Assembly of Shareholders on the results of operations, which shall include at least the following contents:
 - a. Remuneration, operating costs and other benefits of the Board of Directors and each member of the Board of Directors;
 - b. Summary of meetings of the Board of Directors and decisions of the Board of Directors during the year;
 - c. Report on transactions between the Company, its subsidiaries (if any), companies of which the Company controls more than 50% of charter capital (if any) and members of the Board of Directors and related persons of such members; transactions between the Company and enterprises of which the member of the Board of Directors is a founding member or a manager during the last 3 years prior to the transaction date;
 - d. Activities of independent members of the Board of Directors and results of independent members' evaluation of the activities of the Board of Directors;
 - e. Activities of Committees under the Board of Directors;
 - f. Results of supervision over the Chief Executive Officer and other executives;
 - g. Operation plan for following year.

Article 33. Remuneration, bonus and other benefits of members of the Board of Directors

1. The Company may pay remuneration, bonus to members of the Board of Directors

according to business results and efficiency.

2. Members of the Board of Directors shall be entitled to work remuneration and bonus. The Board of Directors shall estimate the remuneration for each member on the principle of consensus. The total remuneration and bonus for the Board of Directors shall be decided by the General Assembly of Shareholders at the annual meeting.
3. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be included in the Company's business costs pursuant to the Laws on corporate income tax, shown in a separate section in the Company's annual financial statements and must be reported to the General Assembly of Shareholders at the annual meeting.
4. Members of the Board of Directors working in Committees of the Board of Directors or performing other works outside the scope of normal duties of a member of the Board of Directors may be paid additional remuneration in the form of a lump-sum allowance, salary, commission, profit percentage or other form as decided by the Board of Directors.
5. Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement of all travel, accommodation, meals and other reasonable expenses which they have had to pay when performing their duties as a member of the Board of Directors, including expenses incurred in attending meetings of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors or the Committees of the Board of Directors.

Article 34. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected by the Board of Directors among the members of the Board of Directors.
2. The Chairman of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of Chief Executive Officer.
3. The Chairman of the Board of Directors shall have the following powers and duties:
 - a. To prepare the programs and plans of activities of the Board of Directors;
 - b. To prepare the agenda, contents and documents serving the meetings; convene and act as the chairman of the meetings of the Board of Directors;
 - c. To organize the approval of decisions of the Board of Directors;
 - d. To supervise the process of organization of implementation of the Board of Directors' decisions;
 - e. To chair the meetings of the General Assembly of Shareholders;
 - f. Other rights and duties as provided by the General Assembly of Shareholders in accordance with the Laws.

4. In case the Chairman of the Board of Directors resigns or is removed, dismissed, the Board of Directors must elect a person in replacement within ten (10) days from the date of receiving the resignation letter or being removed, dismissed.
5. In case the Chairman of the Board of Directors is absent or unable to perform his/her duties, the Vice Chairman of the Board of Directors (if any) shall automatically act on behalf of the Chairman of the Board of Directors to perform the powers and duties of the Chairman of the Board of Directors. If the Chairman of the Board of Directors and the Vice Chairman of the Board of Directors are concurrently absent, the Chairman of the Board of Directors must authorize in writing another member of the Board of Directors to perform his/her powers and duties. In case there is no Vice Chairman of the Board of Directors and there is no other member being authorized or the Chairman of the Board of Directors is death, missing, held in temporary detention, serving imprisonment penalty, serving administrative settlement measures at compulsory drug rehabilitation establishment, compulsory education establishment, evades from residential place, has capacity for civil acts limited or lost, has difficulty in perceiving and controlling acts, is prohibited by Court from holding certain positions, practising certain professions or performing certain jobs, then the remaining members shall elect one of them to hold the position of Chairman of the Board of Directors on the principle of agreement by majority of the remaining members until there is a new decision of the Board of Directors.

Article 35. Meetings of the Board of Directors and meeting minutes

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the closing of the election of such Board of Directors. This meeting shall be convened and chaired by the member receiving the highest number of votes or the highest ratio of votes. In case more than one member receive the highest and equal number of votes or ratio of votes, the members shall conduct election on the principle of majority to select one of them to convene the meeting of the Board of Directors.
2. The Board of Directors shall meet at least once a quarter and may hold extraordinary meetings.
3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
 - a. At the request of the Board of Supervision or independent members of the Board of Directors;
 - b. At the request of the Chief Executive Officer or at least five (05) other Managers;
 - c. At the request of at least two (02) members of the Board of Directors.
4. The request provided in clause 3 this Article shall be made in writing, clearly

stating the purposes, issues to be discussed and decisions within the competence of the Board of Directors.

5. The Chairman of the Board of Directors must convene the meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the date of receipt of the request provided in clause 3 this Article. In case of failure to convene the meeting of the Board of Directors at the request, the Chairman of the Board of Directors shall be liable for any damage caused to the Company; the requester may in replacement of the Chairman of the Board of Directors convene the meeting of the Board of Directors.
6. The Chairman of the Board of Directors or the convenor of the meeting of the Board of Directors shall send the notice of invitation to the meeting at least three (03) working days before the meeting date. The meeting invitation notice shall specify the time and venue of the meeting, the agenda, the issues for discussion and decision. The meeting invitation notice must be enclosed with the documents used at the meeting and the voting slips of the members.
7. Notice of invitation to the meeting of the Board of Directors may be sent in the form of invitation letter, by phone, fax, email or other means of communication guaranteed to reach the contact address of each member of the Board of Directors registered at the Company.
8. The Chairman of the Board of Directors or the convenor shall send the meeting invitation notice and enclosed documents to the members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer in the same manner as that for the members of the Board of Directors.
9. Members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer may attend meetings of the Board of Directors; may discuss but shall not vote.
10. In case there is a request of the independent auditor, the Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors to discuss the audit report and the situation of the Company.
11. A meeting of the Board of Directors shall be conducted when three quarters (3/4) or more of the total number of members attend the meeting. In case the quorum of a meeting convened pursuant to this clause is not met, such meeting may be convened for the second time within seven (07) days from the intended date of the first meeting. In this case, the meeting shall be conducted if more than half of the members of the Board of Directors attend the meeting.
12. A member of the Board of Directors shall be considered as attending and voting at the meeting in the following cases:
 - a. Attending and voting directly at the meeting;
 - b. Authorizing another person to attend the meeting and vote in accordance with clause 14 this Article;

- c. Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic means;
 - d. Sending voting slip to the meeting by mail, fax, email or other means of communication;
 - e. Sending voting slip by other means pursuant to the previous decision of the Board of Directors.
13. In case of sending the voting slip to the meeting by mail, the voting slip must be put in a closely sealed envelope and delivered to the Chairman of the Board of Directors at least 01 hour before the opening. Voting slips may only be opened in the presence of all attendees.
 14. Members shall fully attend all meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to attend the meeting and vote if approved by a majority of the members of the Board of Directors.
 15. Resolutions, decisions of the Board of Directors shall be approved if agreed by a majority of the attending members; In case of tie votes, the final decision shall belong to the side possessing the opinion of the Chairman of the Board of Directors.
 16. The collection of written opinions to pass resolutions, decisions of the Board of Directors shall be regulated in the Internal Regulations on Corporate Governance.

Article 36. Committees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish Committees to take charge of development policies, personnel, compensation and benefits, internal audit and risk management.
2. The number of members of each Committee shall be decided by the Board of Directors but it should be ensured that each Committee has at least three (03) members. One of these members shall be appointed as the Head of the Committee under a decision of the Board of Directors. Members of a Committee may also be members of the Board of Directors and non-members. Each Committee shall have at least one independent member of the Board of Director/non-executive member of the Board of Director.
3. The Committees shall operate in compliance with their own regulations of operations issued by the Board of Directors, regulations of operations of the Board of Directors, Internal Regulations on Corporate Governance, this Charter and relevant Laws.

Article 37. Person in charge of Company's governance

1. The Board of Directors shall appoint at least 01 person in charge of Company's governance to assist in the Company's governance works. The person in charge of Company's governance may concurrently be the Company's secretary.

2. The person in charge of Company's governance must not concurrently work for the approved audit organization which is auditing the Company's financial statements.
3. The person in charge of Company's governance shall have the followings rights and obligations:
 - a. To provide consultancy to the Board of Directors on the organization of meetings of the General Assembly of Shareholders as required and the related works between the Company and its Shareholders;
 - b. To prepare for meetings of the Board of Directors, the Board of Supervision and the General Assembly of Shareholders as requested by the Board of Directors or the Board of Supervision;
 - c. To provide consultancy on procedures of the meetings;
 - d. To attend the meetings;
 - e. To provide consultancy on procedures for making resolutions of the Board of Directors in accordance with the Laws;
 - f. To provide members of the Board of Directors and members of the Board of Supervision with financial information, copies of meeting minutes of the Board of Directors and other information;
 - g. To receive and manage the public disclosure of benefits and contracts, transactions from members of the Board of Directors, the Board of Supervision, the Chief Executive Officer;
 - h. To supervise and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;
 - i. To be the contact person for communication with the parties with related interests;
 - j. To keep confidentiality of information in accordance with the Laws and the Company's policies;
 - k. Other rights and obligations prescribed by the Laws.

CHAPTER VI

CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES

Article 38. Organization of managerial apparatus

The Company's management system shall ensure that the managerial apparatus is responsible to the Board of Directors and is under the supervision and leadership of the Board of Directors in daily business operations of the Company. The

Company shall have one (01) Chief Executive Officer, may have one or more Deputy Chief Executive Officer, one Chief Accountant and a number of Managing Directors. In case the above positions are appointed, removed or dismissed by the Board of Directors, such appointment, removal or dismissal shall be made via resolutions, decisions of the Board of Directors.

Article 39. Executives of the Company

1. At the request of the Chief Executive Officer and upon approval of the Board of Directors, the Company may recruit other Executives with the quantity and qualifications suitable with the structure and management regulation of the Company as set out by the Board of Directors. The Executives of the Company must assist the Company in achieving the set objectives in its operation and organization.
2. The Chief Executive Officer shall receive salaries and bonuses, which shall be decided by the Board of Directors.
3. Salaries of the Executives of the Company shall be recorded as the Company's operating costs pursuant to the Laws on corporate income tax, presented in a separate section of the Company's annual financial statements and reported to the General Assemblies of Shareholders at its annual meetings.

Article 40. Appointment, removal, duties and powers of the Chief Executive Officer

1. The Board of Directors shall appoint 01 member of the Board of Directors or employ another person to be the Chief Executive Officer.
2. The Chief Executive Officer shall manage daily business operations of the Company pursuant to the Laws, this Charter, the labour contract signed with Company and resolutions, decisions of the Board of Directors. In case the Chief Executive Officer's management is contrary to the provisions of this Article, thereby causing damage to the Company, the Chief Executive Officer must be liable before the Laws and must compensate for damage to the Company.
3. The Chief Executive Officer shall have the term of office of not exceeding five (05) years and may be re-appointed for an unlimited number of terms. The Chief Executive Officer shall satisfy the standards and conditions provided by the Laws and Internal Regulations on Corporate Governance.
4. The Chief Executive Officer shall have the following rights and obligations:
 - a. To decide on issues related to daily business operations of the Company which are not subject to the power of the Board of Directors;
 - b. To organize the implementation of resolutions, decisions of the Board of Directors;

- c. To organize the implementation of business plans and investment plans of the Company;
 - d. To make recommendation regarding the plan on organizational structure and the internal management regulations of the Company;
 - e. To appoint, remove, dismiss managerial positions in the Company, except for those under the power of the Board of Directors;
 - f. To decide on the salaries and other benefits for the Company's employees, including the Managers under appointment power of the Chief Executive Officer;
 - g. To recruit employees;
 - h. To make recommendation regarding the plans for payment of dividends or dealing with business loss;
 - i. Other rights and obligations pursuant to the Laws, this Charter, Internal Regulations on Corporate Governance and resolutions, decisions of the Board of Directors.
5. The Board of Directors may remove the Chief Executive Officer when such removal is voted for by the majority of the members of the Board of Directors and appoint a new Chief Executive Officer as replacement.

CHAPTER VII

BOARD OF SUPERVISION

Article 41. Nomination and candidacy for members of the Board of Supervision (Supervisors)

1. The nomination and candidacy for members of the Board of Supervision shall be implemented as follows:
 - a. A Shareholder or a group of Shareholders holding ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total number of voting shares may nominate up to one (01) candidate to the Board of Supervision;
 - b. A Shareholder or a group of Shareholders holding twenty percent (20%) to less than thirty percent (30%) of the total number of voting shares may nominate up to two (02) candidates to the Board of Supervision;
 - c. A Shareholder or a group of Shareholders holding thirty percent (30%) to less than forty percent (40%) of the total number of voting shares may nominate up to three (03) candidates to the Board of Supervision;

-
- d. A Shareholder or a group of Shareholders holding forty percent (40%) to less than fifty percent (50%) of the total number of voting shares may nominate up to four (04) candidates to the Board of Supervision;
 - e. A Shareholder or a group of Shareholders holding fifty percent (50%) of the total number of voting shares may nominate up to five (05) candidates to the Board of Supervision.
 2. In case the the candidates for the Board of Supervision have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least 10 days before the opening date of the meeting of the General Assembly of Shareholders on the Company's website so that Shareholders may learn about these candidates before voting. Candidates for Board of Supervision must have a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the personal information disclosed and must commit to perform their duties in an honest and prudent manner and for the best interests of the Company if being elected as member of the Board of Supervision. Information related to candidates for the Board of Supervision to be published shall include:
 - a. Full name, date of birth;
 - b. Qualifications;
 - c. Work experience;
 - d. Other management titles (including titles in the Board of Supervision of other companies);
 - e. Interests related to the Company and related parties of the Company.
 3. In case the number of candidates for the Board of Supervision through nomination, candidacy in accordance with clause 1 of this Article are still not sufficient as provided by the Laws, the incumbent Board of Supervision shall nominate additional candidates in accordance with the order, procedures provided in the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations on Operations of the Board of Supervision. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Supervision must be clearly announced before the General Assembly of Shareholders votes to elect members of the Board of Supervision.
 4. Voting to elect members of the Board of Supervision must be carried out by cumulative voting, whereby each Shareholder shall have the total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members of the Board of Supervision to be elected, and such Shareholder may cumulate all or a part of its total votes in favour of one or more candidates. The persons who are successfully elected as members of the Board of Supervision shall be determined by the number of votes from the highest to the lowest, starting from the candidate receiving the highest number of votes until the full number of members provided in this Charter have been reached. In case two (02) or more

candidates receive the same number of votes for the last member of the Board of Supervision, the General Assembly of Shareholders shall conduct a re-election among such candidates receiving the same number of votes or a selection in accordance with the criteria under the election regulations.

Article 42. Composition of the Board of Supervision

1. The number of members of the Board of Supervision shall be from three (03) to five (05) persons, the specific number in each term shall be decided by the General Assembly of Shareholders. The term of office of members of the Board of Supervision is five (05) years and a member may be re-elected for an unlimited number of terms. In case all members of the Board of Supervision have their terms ended at the same time, those members shall continue to be members of the Board of Supervision until new members are elected for replacement and take over the duty.
2. Members of the Board of Supervision shall satisfy the following criteria and conditions:
 - a. Not falling in the category of entities who are not permitted to manage enterprises in Vietnam pursuant to the Laws on Enterprises.
 - b. Having been trained in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or another major relevant to the business activities of the Company.
 - c. Not being Persons with Family Relationship of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers.
 - d. Not being Managers and not required to be a Shareholder or an employee of the Company.
 - e. Not currently working in the accountant, financial department of the Company.
 - f. Not being members or employees of the independent audit company which has audited the financial statements of the Company for 03 preceding consecutive years.
3. Members of the Board of Supervision shall be removed in the following cases:
 - a. No longer satisfying the criteria and conditions for being a member of the Board of Supervision as provided in clause 2 this Article;
 - b. Upon a written resignation letter which is approved.
4. Members of the Board of Supervision shall be dismissed in the following cases:
 - a. Failure to fulfil their assigned duties or work;

- b. Failure to exercise their rights and perform their obligations for 06 consecutive months, except for cases of force majeure;
- c. Committing repeated or serious violations of the obligations of members of the Board of Supervision as provided by the Laws, the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations of Operations of the Board of Supervision.
- d. Other cases pursuant to resolutions of the General Assembly of Shareholders.

Article 43. Head of the Board of Supervision

1. The Head of the Board of Supervision shall be elected by the Board of Supervision among its members; the election, removal, dismissal shall be implemented on the principle of majority vote. More than half of the members of the Board of Supervision must permanently reside in Vietnam. The Head of the Board of Supervision must have a bachelor's degree or higher in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or another major relevant to the enterprise's business operation.
2. Rights and obligations of the Head of the Board of Supervision:
 - a. To convene meetings of the Board of Supervision;
 - b. To request the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Executives to provide relevant information for reporting to the Board of Supervision;
 - c. To prepare and sign reports of the Board of Supervision after consulting the Board of Directors for submission to the General Assembly of Shareholders.

Article 44. Rights and obligations of the Board of Supervision

1. The Board of Supervision shall supervise the Board of Directors, the Chief Executive Officer in the management and operation of the Company.
2. To inspect the reasonableness, legality, truthfulness and prudence in the management, operation of business activities, in organization of accounting and statistical work, and in preparation of financial statements.
3. To appraise the completeness, legality and truthfulness of the Company's business reports, annual and semi-annual financial statements, reports on evaluation of the management work of the Board of Directors, and to submit appraisal reports at the annual meetings of the General Assembly of Shareholders; to review contracts, transactions with Related Persons which fall within the approval power of the Board of Directors or of the General Assembly of Shareholders and to make recommendations regarding contracts, transactions requiring approval of the Board of Directors or the General Assembly of Shareholders.

4. To review, inspect and evaluate the effect and efficiency of internal control, internal audit, risk management and early warning systems of the Company.
5. To review accounting books, accounting entries and other documents of the Company, the management and operation of the Company's activities if deemed necessary or pursuant to a resolution of the General Assembly of Shareholders or requested by a Shareholder or a group of Shareholders holding 05% or more of total shares as provided in clause 1 Article 17 of this Charter.
6. At the request of a Shareholder or a group of Shareholders as provided in clause 1 Article 17 of this Charter, the Board of Supervision shall carry out an inspection within seven (07) days after receiving the request. Within 15 days after completing the inspection, the Board of Supervision must submit a report on the issues requested for inspection to the Board of Directors and or the Shareholder or group of Shareholders making the request. The inspection by the Board of Supervision provided in this clause must neither disrupt the normal operation of the Board of Directors, nor interrupt the operation of the Company's business activities.
7. To propose the Board of Directors or the General Assembly of Shareholders measures to modify, supplement, improve the organizational structure for the management, supervision and operation of the business activities of the Company.
8. When discovering that a member of the Board of Directors, the Director or the Chief Executive Officer violates the responsibilities of Managers of enterprise pursuant to Article 165 of Law on Enterprises, the Board of Supervision shall immediately send a written notice to the Board of Directors, requesting the violating person to stop his/her violation and take remedial measures.
9. To attend and participate in discussions at meetings of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors and other meetings of the Company.
10. To use independent consultants, internal audit department of the Company to perform the assigned duties.
11. The Board of Supervision may consult the Board of Directors before submitting reports, conclusions and recommendations to the General Assembly of Shareholders.
12. To inspect each specific issues regarding the management, operation of business activities of the Company at the request of the Shareholders.
13. To request the Board of Directors to convene extraordinary meetings of the General Assembly of Shareholders.
14. To convene the meeting of General Assembly of Shareholders in replacement of the Board of Directors within 30 days in case the Board of Directors fails to convene the meeting of General Assembly of Shareholders pursuant to Article 19 of this Charter.

-
15. To request the Chairman of the Board of Directors to convene meetings of the Board of Directors.
 16. To review, make extract or copy of a part or all of the declaration contents regarding the list of Related Persons and relevant interests which are declared pursuant to the Laws.
 17. To make proposal, recommendation to the General Assembly of Shareholders for approving of the list of approved audit organizations which will audit the Company's financial statements; to decide on the approved audit organization which will audit the Company's operations, to remove or dismiss the approved auditor when deemed necessary.
 18. To take responsibility before the Shareholders for its performance of supervision tasks.
 19. To supervise the Company's financial situation, the compliance with the Laws by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers regarding their activities.
 20. To ensure the coordination of activities with the Board of Directors, the Chief Executive Officer and Shareholders.
 21. When discovering that a member of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Executives of the Company violates the Laws or this Charter, the Board of Supervision shall send a written notice to the Board of Directors within 48 hours, requesting the violating person to cease the violation and take remedial measures. With regards to the violations of the laws, the Board of Supervision must report in writing to the SSC within 07 working days from the date of discovery of the violation.
 22. To develop the Regulations on Operations of the Board of Supervision and submit it to the General Assembly of Shareholders for approval.
 23. To report the following at the annual General Meeting of Shareholders:
 - a. Remunerations, operating costs and other benefits of the Board of Supervision and each of its members;
 - b. Summaries of meetings of the Board of Supervision and the conclusions and recommendations of the Board of Supervision;
 - c. Result of monitoring the Company's financial situation and business operation;
 - d. Reports on evaluation of transactions between the Company, its subsidiaries (if any), companies of which the Company controls more than 50% of charter capital (if any) and members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and their Related Persons; transactions between the Company and

-
- companies in which members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer, other Executives of the Company are founding members or enterprise managers within the lastest 03 years prior to the transaction time;
- e. Result of supervision over the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Executives of the Company;
 - f. Result of evaluation of the coordination of activities between the Board of Supervision and the Board of Directors, the Chief Executive Officer and Shareholders.
24. To witness the organization of vote counting and the preparation of vote counting minutes by the Board of Directors if requested by the Board of Directors in case of collection of written opinions of shareholders for approving resolutions of the General Assembly of Shareholders.
25. The Head of the Board of Supervision shall direct the General Assembly of Shareholders to elect the meeting chairman in case the Chairman is absent or temporarily subject to loss of working ability while the remaining members of the Board of Directors fail to elect a person to act as the chairman. In this case, the person receiving highest number of votes shall act as the meeting chairman.
26. To access the Company's files and documents retained at the head office, branches and other locations; to enter the workplaces of Managers and employees of the Company during working hours.
27. To request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers to fully, accurately and promptly provide information and documents relating to the management, operation and business activities of the Company.
28. Other rights and obligations pursuant to the Laws and this Charter.

Article 45. Meetings of the Board of Supervision

1. Meeting of the Board of Supervision shall be conducted at least twice a year, each meeting must be attended by at least 2/3 of members of the Board of Supervision. Meeting minutes of the Board of Supervision shall be made in detail and clearly. The minutes recorder and members of the Board of Supervision attending the meetings and agreeing approval must sign in the meeting minutes. Meeting minutes of the Board of Supervision must be kept in order to determine the responsibilities of each member of the Board of Supervision.
2. The Board of Supervision may request members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and representatives of the approved audit organization to attend the meetings and give answers to the issues that need to be clarified.

Article 46. Salary, remuneration, bonus and other benefits of members of the Board of Supervision

1. Total remuneration, salary, bonus and other benefits of the Board of Supervision shall be approved by the General Assembly of Shareholders at the annual meeting and shall be fully recorded in the Notes to the audited annual financial statements. Remuneration and other benefits as well as expenses paid by the Company for the Board of Supervision and each Supervisor shall be disclosed in the Company's Annual Report and Report on performance of the Board of Supervision at the annual meeting of the General Assembly of Shareholders.
2. Members of the Board of Supervision shall be entitled to salaries, remuneration, bonuses and other benefits as decided by the General Assembly of Shareholders. The General Assembly of Shareholders shall decide on the total salaries, remuneration, bonuses and other benefits and annual operating budget of the Board of Supervision based on the estimated number of working days, the volume and nature of works, and the per diem rate of remuneration of each member.
3. Members of the Board of Supervision shall be reimbursed for expenses for meals, accommodation, travel, use of independent consultancy services at reasonable rates when attending the meetings of the Board of Supervision or implementing other duties of the Board of Supervision. The total amount of such expenses shall not exceed the total annual operating budget of the Board of Supervision as approved by the General Assembly of Shareholders, unless otherwise decided by the General Assembly of Shareholders.
4. Salaries and operating expenses of the Board of Supervision shall be included in business expenses of the Company pursuant to the laws on corporate income tax, other relevant laws, and must be recorded as a separate item in the annual financial statements of the Company.
5. The procurement of management liability insurance which is not intended to bring material benefits or income to the members of the Board of Supervision shall be decided by the Board of Directors in accordance with the Internal Regulations on Corporate Governance. The procurement of insurance of other types for members of the Board of Supervision must be approved by the General Assembly of Shareholders.

Chapter VIII**RESPONSIBILITY OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISION,**

THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, Members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, and other executives shall be responsible for performing their duties, including those duties as members of Committees of the Board of Directors in an honest and prudent manner, for the benefit of the Company.

Article 47. Responsibility to be honest and avoid conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Managers shall disclose their relevant interests pursuant to the Laws and policies of the Company.
2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, other Managers and their Related Persons may only use the information obtained thanks to their positions to serve the interests of the Company.
3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Managers shall be obliged to send written notices to the Board of Directors, the Board of Supervision of the transactions between the Company, subsidiaries (if any), other companies of which the Company controls more than 50% of charter capital (if any) and themselves or their Related Persons pursuant to the Laws. For the above-mentioned transactions which are subject to the approval of either the General Assembly of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on such resolutions pursuant to the Laws on information disclosure. For transactions which are subject to the approval of the Board of Directors, such approval shall be made within 7 days from the date of receipt of the notice.
4. Members of the Board of Directors must not vote on contracts, transactions or proposals in which these members themselves or their Related Persons have interests and such interests conflict or may conflict with the interests of the Company.
5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, and their Related Persons must not use or disclose to other persons the internal information for carrying out relevant transactions.
6. Contracts, transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, other Executives and their Related Persons shall not be void in case such contracts, transactions or material contents of such contracts, transactions and the relationship with interests have been made public and approved by the General Assembly of Shareholders or the Board of Directors in accordance with this Charter.

Article 48. Responsibility for damage and compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, and other Executives who breach their obligations of acting honestly and prudently or fail to fulfil their obligations shall be liable for any damage caused by their breach.
2. The Company shall pay compensation to any person who became, becomes or may become a party involved in claims, lawsuits, prosecution (including civil, administrative cases other than lawsuits initiated by the Company) if such person was or is a member of the Board of Directors, a member of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer, other Executive, an employee or an authorized representative of the Company, who performed or is performing his/her duties as authorized by the Company, provided that he/she acts in a lawful, honest and prudent manner for the interest of the Company, and there is no evidence showing that such person fails to fulfill his/her responsibilities.
3. Compensation amount shall include judgement costs, fines, amounts actually incurred (including fees for engaging lawyers) which arise during settlement of these cases within the framework permitted by the laws. The Company may purchase insurance for such persons in order to avoid the above-mentioned compensation responsibilities.

CHAPTER IX

RIGHT TO ACCESS DOCUMENTS AND RECORDS OF THE COMPANY

Article 49. Rights to access documents and records of the Company

1. Ordinary Shareholders may access documents and records of the Company, particularly as follows:
 - a. Ordinary Shareholders may review, look up, and make extract of information in accordance with clauses 5 and 6 Article 16 of this Charter;
 - b. A Shareholder or a group of shareholders owning 05% or more of the total ordinary shares may review, look up, make extract of information in accordance with point a clause 1 Article 17 of this Charter.
2. The Company shall only permit the Shareholders to review, look up and make extract of documents at the Company's head office and shall respond to the access request of Shareholders within seven (07) working days from the date of receipt of the request.
3. In case the authorized person of the Shareholder or the group of Shareholders requests the access to documents and records, the authorization letter issued by the Shareholder or the group of Shareholders to such person or its notarized copy must

be enclosed.

4. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervision, the Chief Executive Officer and other Executives may access the Shareholder Registration Book of the Company, list of Shareholders, other documents and records of the Company for the purposes that are relevant to their positions, provided that such information shall be kept confidential.
5. The Company shall retain this Charter and its amendments, the establishment and operation licenses, regulations, documents evidencing the ownership over assets, resolutions of the General Assembly of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Assembly Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Board of Supervision, annual financial statements, accounting books and records and other documents pursuant to the Laws at its head office or another location, provided that the Shareholders and the Business Registration Authority shall be informed of the location where these documents are retained.
6. The Company's Charter shall be published on the website of the Company.

CHAPTER X

EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 50. Employees and Trade Union

1. The Chief Executive Officer shall make plans for the Board of Directors to approve regarding issues related to recruitment, cease of employee's work, salaries, social insurance, welfare, commendation and bonus, and discipline regarding employees and Executives of the Company.
2. The Chief Executive Officer shall make plans for the Board of Directors to approve regarding issues related to the Company's relationships with trade union organizations in accordance with the best standards, practices and management policies, the practices and policies provided in this Charter, the Company's regulations and the Laws.

CHAPTER XI

PROFITS DISTRIBUTION

Article 51. Profits distribution

1. The General Assembly of Shareholders shall decide on rate and method of annual dividend payment from the Company's retained profits.

2. The Company shall not pay interest on dividends or the payments related to a certain type of shares.
3. The Board of Directors may request the General Assembly of Shareholders to approve the payment of all or part of dividends in shares, and the Board of Directors shall execute this decision.
4. On the basis of the dividend rate approved by the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors may decide on the time of interim dividend payment if it deems that such payment is suitable with the profitability of the Company.
5. In case the dividends or other amounts related to a type of shares are to be paid in cash, the Company shall make payment in Vietnam dong. Payment may be carried out directly or through banks on the basis of the bank account details provided by the Shareholders. In case a bank transfer has been properly made by the Company on the basis of the bank account details provided by a Shareholder, the Company shall not be responsible for such amount having been transferred by the Company to such Shareholder. Payment of dividends in respect of shares listed/registered for trading on the Stock Exchange may be made via Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation/ Vietnam Securities Depository.
6. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution, decision which shall fix a specific record date for making the list of Shareholders. Basing on such date, those persons who have been registered as Shareholders or holders of other securities shall be entitled to receipt of dividends in cash or shares, and receipt of notice and other documents.
7. Other issues related to profit distribution shall be implemented pursuant to the Laws.

CHAPTER XII

BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING

Artilec 52. Bank accounts

1. The Company shall open accounts with Vietnamese banks or branches of foreign banks duly licensed to operate in Vietnam.
2. Subject to the prior approval of the competent authority, the Company may, in necessary cases, open offshore bank accounts in accordance with the Laws.
3. The Company shall make all payments and conduct all accounting transactions through the Vietnamese currency or foreign currency accounts with banks where the Company opens the accounts.

Article 53. Fiscal Year

The fiscal year of the Company shall commence on 01 January every calendar year and end on 31 December of the same calendar year. The first fiscal year shall commence on the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate and end on 31 December of the same year.

Article 54. Accounting system

1. The Company shall use the Vietnamese Accounting System (VAS) or another accounting system approved by the Ministry of Finance, shall comply with the accounting regimes for Securities Companies issued by the Ministry of Finance and the accompanying guiding documents.
2. The Company shall prepare accounting books and records in Vietnamese and retain its accounting records in accordance with Laws on accounting and relevant Laws. These records must be accurate, up to date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the transactions of the Company.
3. The Company shall use Vietnamese dong as the accounting currency. In case the Company has business operations that mainly use a certain foreign currency, the Company may by itself select such foreign currency as its accounting currency, and shall take responsibility before the Laws for such selection and send a notice to the tax authority to which it is directly subject.

CHAPTER XIII

FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND RESPONSIBILITY FOR INFORMATION DISCLOSURE

Article 55. Annual, semi-annual and quarterly financial statements

1. The Company shall prepare annual financial statements and the annual financial statements shall be audited pursuant to the Laws. The Company shall disclose the audited annual financial statements pursuant to the Laws on information disclosure on the stock market and submit them to competent authorities.
2. The annual financial statements shall fully include the statements, appendices and notes in accordance with the Laws on corporate accounting. The annual financial statements shall truthfully and objectively reflect the Company's business operation status.
3. The Company shall prepare and disclose the reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the Laws on information disclosure on the stock market and submit them to competent authorities.

Article 56. Annual Reports

The Company shall prepare and publish annual reports in accordance with the Laws on securities and the stock market.

CHAPTER XIV

AUDIT

Article 57. Audit

1. The General Assembly of Shareholders shall appoint an independent auditing company or approve the list of independent auditing companies and authorize the Board of Directors to select one among them to audit the Company's financial statements for the next fiscal year basing on the terms and conditions as agreed with the Board of Directors.
2. The audit reports shall be enclosed with the Company's annual financial statements.
3. Independent auditors who conduct the audit of the Company's financial statements may attend the meetings of the General Assembly of Shareholders and receive notices and other information relating to the meetings of the General Assembly of Shareholders, and express opinions at the meetings on the issues relevant to the audit of the Company's financial statements.

CHAPTER XV

SEAL OF THE COMPANY

Article 58. Seal of the Company

1. Seals shall include the seal made at a seal engraving establishment and the seal in the form of digital signature pursuant to the Laws on electronic transactions.
2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form and contents of the seals of the Company, its branches and its representative offices (if any).
3. The Board of Directors, the Chief Executive Officer shall use and manage the seals in accordance with the Laws.

CHAPTER XVI

RE-ORGANIZATION AND DISSOLUTION

Article 59. Re-organization of the Company

The division, separation, consolidation, merger or conversion of the form of the Company shall be implemented in accordance with relevant Laws.

Article 60. Dissolution of the Company

1. The Company shall be dissolved in the following cases:
 - a. Pursuant to the resolution, decision of the General Assembly of Shareholders;
 - b. The Enterprise Registration Certificate is revoked, unless otherwise provided by the Tax Management Law;
 - c. Other cases provided by the Laws.
2. Liquidation of assets upon dissolution
 - a. No later than six (06) months after issuance of the decision on dissolution of the Company, the Board of Directors shall establish a Liquidation Board, which consists of 03 members, among which 02 members shall be appointed by the General Assembly of Shareholders and 01 member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing company. The Liquidation Board shall prepare its regulations of operations. Members of the Liquidation Board may either be selected from the Company's employees or be independent experts. All costs in relation to the liquidation shall be given priority for being paid over other debts of the Company.
 - b. The Liquidation Board shall inform the SSC and the business registration authority about its establishment date and commencement date of operation. From that time, the Liquidation Board shall on behalf of the Company perform all works in relation to the liquidation of the Company at Court and administrative authorities.
 - c. Proceeds from the liquidation shall be used for payments in the following order:
 - i. Liquidation costs;
 - ii. Unpaid salaries, severance allowances, social insurance and other benefits of employees according to the collective labour agreement and employment contracts;
 - iii. Tax liabilities;

- iv. Other debts of the Company;
- v. The remaining part after payment of all the debts specified in items (a) to (d) above shall be distributed to the Shareholders. Preferential shares shall be given priority for being paid.

CHAPTER XVII

INTERNAL DISPUTE SETTLEMENT

Article 61. Internal dispute settlement

1. In case of dispute, claim arising in relation to the operation of the Company, the rights and obligations of Shareholders pursuant to the Laws, this Charter or agreement between:
 - a. Shareholder and the Company;
 - b. Shareholder and the Board of Directors, the Board of Supervision, the Chief Executive Officer or other Executives;

The concerned parties shall endeavor to resolve the dispute through negotiation and mediation. Except for disputes that involve the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, the Chairman of the Board of Directors shall preside over the settlement of dispute and request each party to provide information about the dispute within thirty (30) days from the occurrence of the dispute. In case the dispute involves the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, either party may request the Head of the Board of Supervision to appoint an independent expert as the mediator for settlement of the dispute.

2. In case a decision on mediation cannot be reached within forty five (45) days from the commencement of the mediation or the mediator's decision is not accepted by the parties, either party may bring the dispute to Court or Arbitration.
3. The parties by themselves shall pay the costs relating to the procedures of negotiation and mediation. Payment of costs at Court or Arbitration shall be implemented pursuant to judgment of the Court or award of the Arbitration.

CHAPTER XVIII

AMENDMENT, SUPPLEMENT AND EFFECTIVENESS OF THE CHARTER

Article 62. Amendment, supplement to the Charter

1. Unless otherwise provided in this Charter, the amendment, supplement to or

replacement of this Charter shall be considered, decided by the General Assembly of Shareholders.

2. In case where there are any provisions of the Laws relating to operations of the Company, which have not been mentioned in this Charter or in case where there are new provisions of the Laws which are different from the provisions in this Charter, then such provisions of the Laws shall automatically be applicable and govern the operations of the Company.

Article 63. Effectiveness of the Charter

1. This Charter, consisting of 18 Chapters, 63 Articles, is adopted by the General Assembly of Shareholders of Ho Chi Minh City Securities Coporation on 08 August 2022, of which the entire contents and effect have been approved.
2. This Charter is made into 10 copies with equal validity and shall be retained at the Company's head office.
3. This Charter is the sole and official Charter of the Company, which replaces all previous charters.
4. Copies or extracts of this Charter must bear the signature of either the Chairman of the Board of Directors or at least a half of the members of the Board of Directors.

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMAPNY

CHIEF EXECUTIVE OFFICER 



TRINH HOAI GIANG